

# Kỹ thuật nghiên cứu định tính trong du lịch học: tổng quan, định hướng và bản sắc học thuật

Trần Tuyên\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Trong bối cảnh khoa học du lịch đương đại ngày càng nhấn mạnh tính liên ngành, xuyên ngành và định hướng nhân bản, nghiên cứu định tính giữ vai trò quan trọng trong việc giải thích các hiện tượng phức tạp, khơi mở chiều sâu trải nghiệm và kiến tạo tri thức bản địa. Tuy vậy, tại Việt Nam, việc ứng dụng kỹ thuật định tính còn hạn chế, phân tán và thiếu chiều sâu, khiến cho khả năng định vị bản sắc học thuật của du lịch học chưa rõ nét. Bài viết này, dựa trên tổng quan tài liệu và phân tích nội dung, đã chỉ ra các kỹ thuật định tính có tiềm năng ứng dụng trong nghiên cứu khoa học du lịch, bao gồm: phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, dân tộc học, hiện tượng học, dân tộc học mạng, dân tộc học tự sự, nghiên cứu tự sự, phân tích diễn ngôn và kỹ thuật hình ảnh. Mỗi kỹ thuật được phân tích về đặc trưng, ưu điểm và hạn chế, minh chứng ứng dụng thực tế và gợi ý chủ đề nghiên cứu phù hợp. Bên cạnh đó, khung tư duy định tính trong nghiên cứu du lịch được đề xuất nhằm giúp quá trình nghiên cứu định tính không chỉ dừng ở mô tả hiện tượng mà còn kiến tạo tri thức mới, góp phần mở rộng hoặc tái cấu trúc lý thuyết. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra năm khuyến nghị: (1) gắn kết câu hỏi nghiên cứu với triết lý nhận thức; (2) kết hợp các kỹ thuật để gia tăng chiều sâu; (3) vượt qua mô tả hiện tượng để đối thoại và mở rộng lý thuyết; (4) khai thác lợi thế bản địa nhằm đóng góp vào đối thoại toàn cầu; và (5) đầu tư vào cách trình bày dữ liệu định tính giàu tính tin cậy và sáng tạo. Bài viết kêu gọi cần nhìn nhận lại nghiên cứu định tính không chỉ như công cụ hỗ trợ, mà như một phương thức tư duy khoa học mang tính nhân văn, sáng tạo và có khả năng kiến tạo bản sắc học thuật của du lịch học Việt Nam.

**Từ khóa:** nghiên cứu định tính, du lịch học, phương pháp nghiên cứu, Việt Nam

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập niên gần đây, sự chuyển dịch trong cách tiếp cận nghiên cứu khoa học du lịch không chỉ phản ánh những thay đổi của thực tiễn mà còn cho thấy sự trưởng thành về mặt phương pháp luận<sup>1,2</sup>. Khi các vấn đề du lịch ngày càng mang tính xã hội, văn hóa và chính trị sâu sắc, từ bản sắc địa phương, trải nghiệm du khách, đến diễn ngôn quyền lực và bất bình đẳng trong phát triển, các kỹ thuật nghiên cứu định tính đã nổi lên như công cụ không thể thiếu để khám phá, giải mã các tầng nghĩa ẩn sâu trong hiện tượng du lịch đương đại<sup>1,3,4</sup>. Trái ngược với các tiếp cận định lượng vốn thường nhắm đến đo lường, tổng quát hóa và kiểm định giả thuyết, nghiên cứu định tính trong du lịch cho phép đi sâu vào trải nghiệm cá nhân, mâu thuẫn xã hội, cấu trúc quyền lực, và cả tính bối cảnh của các hiện tượng<sup>2,5</sup>.

Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu định tính trong khoa học du lịch vẫn còn hạn chế cả về số lượng lẫn chiều sâu. Thực trạng này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân đan xen: áp lực công bố khiến các nhà nghiên cứu thường ưu tiên những mô hình định lượng dễ được chấp nhận; xu hướng chuẩn mực hóa

theo các thước đo quốc tế làm gia tăng sự lệ thuộc vào định lượng; sự thiếu vắng hệ thống tài liệu về phương pháp định tính. Đồng thời, trong lĩnh vực du lịch, các nghiên cứu định tính thường bị xem nhẹ như một lựa chọn bổ trợ, dẫn đến ít công trình đầu tư công phu về kỹ thuật và gắn kết lý thuyết chặt chẽ<sup>6</sup>. Những hạn chế này làm giảm đáng kể khả năng phát triển bản sắc và chiều sâu học thuật của du lịch học tại Việt Nam.

Chính vì lẽ đó, bài viết này khám phá, phân tích và định hướng khai thác các kỹ thuật nghiên cứu định tính có tiềm năng ứng dụng trong nghiên cứu khoa học du lịch. Bên cạnh việc tổng hợp và phân tích, nghiên cứu này còn đề xuất khung tư duy định tính trong nghiên cứu du lịch nhằm định hướng cho quá trình triển khai các nghiên cứu định tính trở nên có hệ thống, sâu sắc và có khả năng tạo ra những đóng góp học thuật đáng kể. Kết quả của nghiên cứu không chỉ khẳng định giá trị khoa học và phạm vi ứng dụng của các kỹ thuật định tính, mà còn góp phần thúc đẩy quá trình khẳng định vai trò của nghiên cứu định tính trong khoa học du lịch tại Việt Nam.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

## Liên hệ

Trần Tuyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: tuyentran@hcmussh.edu.vn

## Lịch sử

- Ngày nhận: 05-08-2025
- Ngày sửa đổi: 04-02-2026
- Ngày chấp nhận: 25-05-2026
- Ngày đăng: 28-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1222>



## Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

**Trích dẫn bài báo này:** Tuyên T. Kỹ thuật nghiên cứu định tính trong du lịch học: tổng quan, định hướng và bản sắc học thuật. VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026; 10(3):4095-4116.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để khám phá và trình bày một cách hệ thống các kỹ thuật nghiên cứu định tính trong khoa học du lịch, tác giả đã áp dụng một quy trình tổng hợp tin cậy.

Đầu tiên, tác giả đọc và đối chiếu nhiều tài liệu nền tảng về phương pháp nghiên cứu định tính trong khoa học xã hội, đặc biệt là trong du lịch học, từ đó xác định các kỹ thuật phổ biến và có tiềm năng ứng dụng cao. Tiếp theo, tác giả tìm kiếm và phân tích các công bố học thuật liên quan trên cơ sở dữ liệu Scopus. Việc lựa chọn Scopus xuất phát từ hai lý do: (i) đây là cơ sở dữ liệu khoa học đa ngành lớn nhất và uy tín hàng đầu thế giới, đảm bảo độ tin cậy học thuật; (ii) hệ thống phân loại lĩnh vực và bộ lọc của Scopus cho phép xác định các công trình thuộc nhóm khoa học xã hội, nhân văn một cách chính xác, giúp giảm thiểu sự sai lệch khi trích dẫn.

Quy trình tìm kiếm được thực hiện vào tháng 03 năm 2025 theo cú pháp: “Tên kỹ thuật (Tiêu đề, tóm tắt và từ khóa) and tourism (Tiêu đề)”. Các bước lọc tiếp theo bao gồm: (1) loại bỏ các công bố không viết bằng tiếng Anh; (2) giới hạn loại hình tài liệu (bài báo, chương sách, kỷ yếu hội thảo khoa học); (3) xác định lĩnh vực phù hợp (Social Sciences, Arts and Humanities, Business, Management and Accounting); (4) loại bỏ các công trình không liên quan trực tiếp đến các vấn đề nghiên cứu của du lịch học. Tổng cộng, quá trình tìm kiếm ban đầu thu được 324 tài liệu, sau khi sàng lọc còn 119 tài liệu được sử dụng cho phân tích nội dung. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, các công bố có liên quan từ Google Scholar tiếp tục được khai thác nhằm bổ trợ cho việc đưa ra các ví dụ minh họa.

Ngoài việc tổng hợp từ nguồn tài liệu, tác giả cũng tiến hành phân tư học thuật: chỉ ra những hạn chế, thách thức hoặc tiềm năng ứng dụng của kỹ thuật trong bối cảnh Việt Nam. Phần phân tư này phản ánh đánh giá phê phán của tác giả dựa trên kinh nghiệm nghiên cứu và phân tích đối sánh. Đây là cách tiếp cận nhằm giữ lại bản sắc của nghiên cứu định tính, nơi tri thức được hình thành không chỉ từ dữ liệu, mà còn từ tư duy phản biện và sự khai minh của người nghiên cứu.

## NỘI DUNG CHÍNH

### 1. Giới thiệu về nghiên cứu định tính và ứng dụng trong du lịch học

Nghiên cứu định tính là cách tiếp cận nhằm khám phá và lý giải những chiều sâu của hiện tượng xã hội thông qua việc tập trung vào ý nghĩa, kinh nghiệm, và sự diễn giải của con người trong các bối cảnh cụ thể<sup>2,5,7</sup>. Trái ngược với nghiên cứu định lượng vốn dựa trên các giả thuyết được kiểm định bằng số liệu

và phân tích thống kê, nghiên cứu định tính tìm kiếm sự hiểu biết sâu sắc về cách con người cảm nhận, phản ứng và kiến tạo thế giới xung quanh họ. Sự phát triển của phương pháp định tính có nguồn gốc từ các ngành nhân học, xã hội học, và tâm lý học trong thế kỷ XIX<sup>2,5</sup>, được định hình mạnh mẽ bởi các trường phái tư tưởng như hiện tượng học (phenomenology), thông diễn học (hermeneutics), và hậu cấu trúc luận (post-structuralism).

Mura, P. và Khoo-Lattimore, C. sau quá trình dày công nghiên cứu các quan điểm về khái niệm định tính đã kết luận rằng việc trả lời câu hỏi nghiên cứu định tính là gì không hề đơn giản; cũng như việc xác định ai là nhà nghiên cứu định tính và điều gì khiến họ trở thành nhà nghiên cứu định tính cũng đầy phức tạp<sup>2</sup>. Trong nghiên cứu này, họ cũng chỉ ra, các nhà nghiên cứu định tính có thể được hình dung như người làm chần ghép (quilt makers), người làm phim ghép (montage makers), người chơi nhạc jazz (jazz players), người làm đồ thủ công diễn giải (interpretive bricoleurs) và người kể chuyện (storytellers)<sup>2,8</sup>. Các ẩn dụ này phản ánh những nhiệm vụ và thách thức cơ bản của nghiên cứu định tính: giống như người làm chần ghép mảnh, họ kết hợp các mảnh rời rạc của hiện thực xã hội thành một tổng thể; như người làm phim ghép, họ tạo ra dòng chảy logic từ những hình ảnh và sự kiện rời rạc; như người chơi nhạc jazz, họ ứng biến và sáng tạo trong quá trình kiến tạo ý nghĩa; như người làm đồ thủ công diễn giải, họ lắp ghép những phần tử khác nhau thành một cấu trúc gắn kết; và như người kể chuyện, họ truyền đạt câu chuyện về thực tại đến nhiều nhóm độc giả.

Quan trọng hơn, như Denzin và Lincoln nhấn mạnh, nhà nghiên cứu định tính phải có khả năng đón nhận và đối diện với những căng thẳng, mâu thuẫn của đời sống xã hội<sup>8,9</sup>. Các kỹ thuật nghiên cứu định tính không chỉ đóng vai trò như công cụ thu thập dữ liệu mà còn là phương thức tiếp cận hiện thực xã hội một cách mềm dẻo, tương tác, và phản tư<sup>5,7</sup>. Điểm cốt lõi của các kỹ thuật này là nhấn mạnh đến bối cảnh, sự đa dạng về trải nghiệm, và vai trò của người nghiên cứu như một phần trong tiến trình kiến tạo ý nghĩa<sup>2</sup>. Trong khoa học xã hội hiện đại, nghiên cứu định tính ngày càng được công nhận như một chiến lược phù hợp để lý giải các hiện tượng phức hợp, mâu thuẫn, hay có tính ngữ cảnh cao, vốn không dễ lượng hóa hoặc khái quát hóa<sup>2,6</sup>.

Trong khoa học du lịch, một lĩnh vực chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các tương tác xã hội, hành vi con người, cảm xúc, ký ức và bản sắc, nghiên cứu định tính đã dần khẳng định vị trí thiết yếu kể từ cuối thế kỷ XX<sup>5</sup>. Với sự dịch chuyển từ mô hình tiếp cận du lịch như một hoạt động tiêu dùng sang cái nhìn phân tư về du lịch

nghư thực hành xã hội và không gian tái cấu trúc văn hóa, phương pháp định tính trở thành công cụ quan trọng giúp các nhà nghiên cứu “nghe thấy” tiếng nói của du khách, cộng đồng địa phương, và các chủ thể tham gia vào không gian du lịch. Các công trình của Urry (1990), Franklin & Crang (2001), hoặc Cohen (1988) đã góp phần định hình phương luận định tính trong nghiên cứu du lịch hiện đại, thúc đẩy cách tiếp cận phê phán, phản tư và sáng tạo<sup>5,10,11</sup>.

Tại Việt Nam, nghiên cứu định tính trong du lịch học dù chưa được khai thác hiệu quả như các kỹ thuật định lượng, song đang dần thu hút sự quan tâm của một thế hệ nhà nghiên cứu mới. Đặc biệt, trong bối cảnh ngành du lịch Việt Nam đứng trước các chuyển biến lớn như chuyển đổi số, phát triển bền vững, phục hồi sau đại dịch, và những thay đổi trong hành vi du khách, nhu cầu hiểu sâu, hiểu sát thực tế ngày càng trở nên cấp thiết. Nghiên cứu định tính, với khả năng tiếp cận linh hoạt, tương tác sâu với thực tại, và tạo ra tri thức từ bên trong chủ thể, có thể mang lại những đóng góp có ý nghĩa cả về lý thuyết lẫn thực tiễn<sup>5,9,12</sup>. Tuy vậy, để phát huy hiệu quả tiềm năng, nghiên cứu định tính cần được nhìn nhận và triển khai thông qua các nỗ lực học thuật nghiêm túc. Đó không chỉ đơn thuần là thu thập các trích dẫn từ phỏng vấn sâu hay mô tả hiện tượng mang tính chủ quan. Điều này đòi hỏi sự am hiểu về phương pháp, năng lực thiết kế nghiên cứu chặt chẽ, khả năng diễn giải lý thuyết hóa, cũng như tư duy phản biện để khai thác tri thức bản địa và đóng góp ngược lại các lý thuyết đã có. Khi được thực hiện một cách công phu và sáng tạo, nghiên cứu định tính trong khoa học du lịch có thể phản ánh thực tiễn, kiến tạo và làm giàu thêm cho lý thuyết, qua đó khẳng định giá trị độc lập, đặc thù và đóng góp đáng kể vào tri thức du lịch đương đại.

## 2. Các kỹ thuật nghiên cứu định tính trong du lịch học

Với mục tiêu làm rõ vai trò kiến tạo tri thức của nghiên cứu định tính trong du lịch học, mỗi kỹ thuật sẽ được minh họa ngắn gọn qua ví dụ ứng dụng vào bối cảnh nghiên cứu cụ thể, đồng thời được phân tích về tiềm năng đóng góp cho lý thuyết, một khía cạnh thường bị bỏ ngỏ trong các công trình định tính tại Việt Nam. Các kỹ thuật nghiên cứu định tính được trình bày bao gồm:

1. Phỏng vấn sâu (in-depth interview)
2. Thảo luận nhóm tập trung (focus group discussion)
3. Kỹ thuật gợi mở bằng hình ảnh (photo elicitation)
4. Phân tích diễn ngôn (discourse analysis)
5. Nghiên cứu tự sự (narrative inquiry)

6. Dân tộc học (ethnography)
7. Hiện tượng học (phenomenology)
8. Dân tộc học mạng (netnography)
9. Dân tộc học tự sự (autoethnography)
10. Một số kỹ thuật khác.

### Phỏng vấn sâu (in-depth interview)

Phỏng vấn sâu là một kỹ thuật nền tảng trong nghiên cứu định tính, cho phép nhà nghiên cứu khai thác những tầng sâu trong suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm và động cơ của người tham gia nghiên cứu<sup>13,14</sup>. Phỏng vấn sâu thường được thực hiện dưới hình thức cấu trúc, bán cấu trúc hoặc không cấu trúc, trong đó người nghiên cứu đóng vai trò như một người dẫn dắt linh hoạt để khơi gợi thông tin<sup>15</sup>. Một trong những ưu điểm nổi bật của kỹ thuật phỏng vấn sâu là khả năng đi sâu vào bối cảnh cá nhân và xã hội của người tham gia<sup>14,16</sup>. Khác với các công cụ định lượng mang tính tiêu chuẩn hóa, phỏng vấn sâu mở ra không gian đối thoại linh hoạt và tin cậy, nơi người được hỏi có thể chia sẻ một cách tự nhiên và cụ thể những gì họ từng trải<sup>13,14</sup>. Tuy vậy, kỹ thuật phỏng vấn sâu cũng đối diện với một số thách thức nhất định<sup>15,16</sup>. Việc tạo dựng niềm tin và sự thoải mái trong suốt quá trình phỏng vấn đòi hỏi kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và điều chỉnh linh hoạt từ phía người nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc phân tích dữ liệu đòi hỏi sự cẩn trọng trong xử lý ngữ nghĩa, ngữ cảnh và cả những yếu tố phi ngôn ngữ như ngữ điệu hay biểu cảm.

Ví dụ, nghiên cứu tại Việt Nam về nữ hướng dẫn viên du lịch đã sử dụng phỏng vấn sâu để làm rõ cách định kiến xã hội, áp lực nghề nghiệp và quan hệ gia đình đan xen, tạo nên những rào cản vô hình đối với sự nghiệp của họ<sup>17</sup>. Tương tự, trong nghiên cứu về du lịch nội địa tại Ethiopia, phỏng vấn sâu kết hợp thảo luận nhóm đã giúp hé lộ cả cơ hội (sự hiếu khách, tài nguyên đa dạng, sự kiện văn hóa, tôn giáo) lẫn thách thức (thiếu dữ liệu, marketing yếu, ít nhận được quan tâm từ ngành lữ hành), cho thấy bức tranh toàn diện hơn về động lực và cản trở phát triển<sup>18</sup>. Những nghiên cứu này thường không chỉ cung cấp dữ liệu phong phú về mặt nội dung mà còn giúp diễn giải, mở rộng lý thuyết hoặc đề xuất khung phân tích mới từ dưới lên.

Triển vọng phát triển của kỹ thuật phỏng vấn sâu trong khoa học du lịch là rất lớn. Với sự phát triển của các nền tảng kỹ thuật số, hình thức phỏng vấn trực tuyến đang mở rộng không gian ứng dụng của kỹ thuật này. Đồng thời, việc tích hợp phỏng vấn sâu với các khung lý thuyết mới như hiện tượng học hay lý thuyết hậu cấu trúc đang góp phần nâng cao chiều sâu phân tích và khả năng tạo lập tri thức với tính bối cảnh hóa cao.

### Thảo luận nhóm tập trung (focus group discussion)

Thảo luận nhóm tập trung là một kỹ thuật thu thập dữ liệu dựa trên sự tương tác nhóm, trong đó người nghiên cứu đóng vai trò điều phối viên, khơi gợi thảo luận để khai thác quan điểm, cảm xúc và trải nghiệm của các thành viên về một vấn đề nhất định<sup>15,16</sup>. Với đặc trưng đối thoại và đồng kiến tạo, thảo luận nhóm tập trung không đơn thuần ghi nhận ý kiến cá nhân mà là sự quan sát quá trình tương tác xã hội, trong đó các ý tưởng được hình thành, tranh luận và điều chỉnh trong tập thể<sup>16,19</sup>. Đối với khoa học du lịch, nơi trải nghiệm du lịch, kỳ vọng dịch vụ, bản sắc vùng miền và ký ức cộng đồng thường mang tính tập thể, kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung đặc biệt hữu ích để khám phá chiều sâu của vấn đề nghiên cứu.

Ưu điểm nổi bật của thảo luận nhóm tập trung là khả năng thúc đẩy sự trao đổi và phản biện giữa các thành viên<sup>15,16</sup>. Ví dụ, trong nghiên cứu về lễ hội âm nhạc, thảo luận nhóm cùng quan sát và phỏng vấn đã cho thấy cách khán giả và nhà tổ chức đồng kiến tạo tính xác thực xã hội và không gian lễ hội<sup>20</sup>. Trong nghiên cứu về trải nghiệm nhập vai trong nghệ thuật trình diễn, phương pháp này kết hợp với dữ liệu trực tuyến đã khái quát được sáu đặc tính trải nghiệm nhập vai và hình thành mô hình ba cấp độ<sup>21</sup>. Tuy vậy, thảo luận nhóm tập trung cũng đối mặt với nhiều thách thức. Một trong những vấn đề phổ biến là nguy cơ bị chi phối bởi các cá nhân nổi trội trong nhóm, khiến người rụt rè hoặc thuộc nhóm thiểu số cảm thấy khó bày tỏ quan điểm độc lập, điều này đặc biệt cần lưu ý trong các nhóm có yếu tố quyền lực không cân bằng<sup>15,16</sup>. Ngoài ra, việc ghi nhận và phân tích dữ liệu, thảo luận nhóm tập trung cũng đòi hỏi kỹ năng luận giải cao để không chỉ phản ánh nội dung mà còn hiểu được ngữ cảnh, sự tương tác và cả khoảng lặng trong cuộc thảo luận<sup>19</sup>.

Khi các vấn đề du lịch ngày càng mang tính toàn cầu và địa phương thì thảo luận nhóm tập trung có thể là không gian lý tưởng để quan sát cách các cộng đồng kiến tạo tầm nhìn tương lai, đàm phán niềm tin và biểu đạt hy vọng tập thể. Với tư duy phê phán và thiết kế nghiên cứu phù hợp, thảo luận nhóm tập trung là công cụ thu thập dữ liệu và diễn đàn trao quyền cho các nhóm bị gạt ra bên lề trong hệ sinh thái du lịch.

#### **Kỹ thuật gợi mở bằng hình ảnh (photo elicitation)**

Gợi mở bằng hình ảnh là một kỹ thuật sử dụng hình ảnh như một công cụ kích thích để gợi mở các tầng sâu của ký ức, cảm xúc và suy nghĩ của người tham gia<sup>22,23</sup>. Kỹ thuật này có thể sử dụng hình ảnh do nhà nghiên cứu chuẩn bị sẵn, hình ảnh do người tham gia chụp, hoặc kết hợp cả hai<sup>23</sup>. Trong nghiên cứu khoa học du lịch, kỹ thuật này mang lại cách tiếp cận nhạy bén hơn với trải nghiệm và thế giới sống của du khách,

cộng đồng địa phương bởi giúp tái hiện không gian và cảm xúc gắn với khoảnh khắc du lịch cụ thể<sup>24,25</sup>.

Một trong những ưu điểm nổi bật của kỹ thuật này là khả năng khơi dậy trí nhớ và khuyến khích người tham gia thể hiện chiều sâu cảm xúc, diễn giải trải nghiệm cá nhân<sup>24,25</sup>. Kỹ thuật hình ảnh đã được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực của khoa học du lịch, từ nghiên cứu hành vi du khách, du lịch cộng đồng, đến nghiên cứu nhân học, dân tộc học<sup>26-28</sup>. Trong nghiên cứu tại Sri Lanka, phân tích hình ảnh chỉ ra cách diễn ngôn giới và quyền lực hậu thuộc địa được tái tạo qua đại diện du lịch<sup>29</sup>. Trong nghiên cứu về di sản phi vật thể, hình ảnh do nhà nghiên cứu sưu tầm đã khơi gợi ký ức và cảm xúc nhập thể, đồng thời phản ánh lợi thế lẫn giới hạn của công cụ hình ảnh<sup>24</sup>. Ngoài ra, hình ảnh có thể dùng để phân tích sự khác biệt giữa kỳ vọng và trải nghiệm thực tế trong du lịch di sản; hoặc được sử dụng để khai thác cảm giác thuộc về không gian ở du khách quay lại cùng một địa điểm qua nhiều năm<sup>28,30</sup>.

Tuy nhiên, kỹ thuật này không tránh khỏi những thách thức. Một trong những thách thức lớn là tính nhạy cảm và đạo đức trong việc sử dụng và công bố hình ảnh<sup>30</sup>. Nhà nghiên cứu cần có sự đồng thuận rõ ràng từ người tham gia và hiểu rõ các giới hạn của việc chia sẻ hình ảnh trong môi trường học thuật. Hơn nữa, việc phân tích hình ảnh thường tốn thời gian và đòi hỏi kỹ năng thẩm định thị giác. Dù vậy, triển vọng phát triển của kỹ thuật hình ảnh trong nghiên cứu khoa học du lịch tại Việt Nam là rất lớn. Trong bối cảnh du lịch ngày càng mang tính trải nghiệm và hình ảnh ngày càng chi phối cách du khách tương tác, nhớ lại và chia sẻ hành trình, kỹ thuật này cung cấp một phương tiện tiếp cận sâu sắc và đa chiều.

#### **Phân tích diễn ngôn (discourse analysis)**

Phân tích diễn ngôn là một kỹ thuật nhằm giải mã cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong bối cảnh xã hội để kiến tạo, duy trì và biến đổi ý nghĩa<sup>31,32</sup>. Trong nghiên cứu khoa học du lịch, phân tích diễn ngôn không chỉ khảo sát nội dung lời nói hay văn bản, mà còn truy vấn các cấu trúc quyền lực, bản sắc, và chuẩn mực văn hóa được lồng ghép trong các diễn ngôn về du lịch, từ chính sách phát triển đến trải nghiệm du khách<sup>33,34</sup>.

Một trong những ưu điểm vượt trội của phân tích diễn ngôn là khả năng giải các cấu trúc ý nghĩa, vốn thường bị xem như hiển nhiên, trong diễn ngôn chính sách, truyền thông, hay ký ức tập thể về du lịch<sup>34</sup>. Kỹ thuật này cho phép nhà nghiên cứu vạch ra hình ảnh chủ đạo và giọng nói bị loại trừ, từ đó đặt vấn đề về sự công bằng, tính đại diện, và tính bền vững trong phát triển du lịch<sup>33</sup>. Nghiên cứu về du lịch tái hoang dã (rewilding tourism) chỉ ra cách báo chí định hình nhận thức

công chúng qua mạng lưới quyền lực, tri thức, đồng thời phơi bày nguy cơ tiềm ẩn của nguy cơ chiếm đoạt xanh (green grabbing)<sup>35</sup>. Trong khi đó, nghiên cứu về du lịch xã hội IMSESO minh họa cách diễn ngôn tranh chấp phản ánh động lực chính trị, quan hệ kinh tế và ảnh hưởng đến các bên thực thi chính sách<sup>36</sup>. Ngoài ra, phân tích diễn ngôn phê phán được sử dụng để khám phá những ý nghĩa sâu sắc trong bối cảnh xã hội cụ thể, trong việc phản kháng bất công hay quyền lực. Nó được áp dụng cho các lĩnh vực như động lực du lịch, hình ảnh điểm đến, tiếp thị du lịch, du lịch bền vững và các mối quan hệ xã hội trong du lịch<sup>37,38</sup>. Tuy nhiên, phân tích diễn ngôn cũng đối diện với những thách thức không nhỏ<sup>37,38</sup>. Một trong số đó là tính chủ quan cao trong việc giải mã ngôn ngữ và bối cảnh, đòi hỏi người nghiên cứu phải có nền tảng lý thuyết vững vàng và khả năng phân tư sâu sắc. Ngoài ra, phân tích diễn ngôn thường bị chỉ trích là quá tập trung vào văn bản và thiếu tính ứng dụng thực tiễn trong quản lý hoặc chính sách. Do đó, hướng phát triển tiềm năng là kết hợp phân tích diễn ngôn với các kỹ thuật khác như phân tích khung hoặc phân tích chính sách, nhằm tăng cường tính liên ngành và hiệu quả chuyển giao tri thức.

#### **Nghiên cứu tự sự (narrative inquiry)**

Nghiên cứu tự sự là một kỹ thuật ngày càng được quan tâm trong khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt khi nghiên cứu các trải nghiệm du lịch cá nhân<sup>39,40</sup>. Kỹ thuật này xuất phát từ quan điểm cho rằng con người kiến tạo và truyền đạt ý nghĩa của thế giới thông qua việc kể lại câu chuyện của chính họ<sup>40</sup>. Trong nghiên cứu tự sự, dữ liệu không đơn thuần là thông tin mà là sự kết tinh của cảm xúc, ký ức, sự lựa chọn ngôn ngữ, nhịp điệu kể chuyện và cả những điều được ngụ ý hoặc lược bỏ<sup>39,40</sup>. Do đó, kỹ thuật này đặc biệt phù hợp để khám phá chiều sâu trải nghiệm du lịch trong các khung cảnh giàu cảm xúc và ký ức<sup>41</sup>.

Ưu điểm nổi bật của nghiên cứu tự sự là khả năng phơi bày sự phức tạp, đa chiều và tính thời gian của trải nghiệm<sup>42</sup>. Thay vì chia nhỏ dữ liệu theo mã hay chủ đề như các kỹ thuật truyền thống, nghiên cứu tự sự giữ lại dòng chảy nguyên vẹn của câu chuyện, cho phép nhà nghiên cứu hiểu được sự thay đổi của cảm xúc, niềm tin và hành động theo thời gian. Điều này đặc biệt hữu ích khi nghiên cứu các hành trình du lịch dài ngày, các chuyến đi mang tính bước ngoặt hoặc trải nghiệm du lịch có yếu tố chuyển hóa tâm lý sâu sắc. Về mặt ứng dụng, nghiên cứu tự sự cho phép tái dựng logic chủ quan của du khách, tức cách họ lý giải, cấu trúc và đánh giá trải nghiệm qua thời gian<sup>43</sup>. Trong trường hợp du lịch tâm linh, nghiên cứu tự sự giúp liên kết trải nghiệm cá nhân với lý thuyết tự quyết để lý giải tác động đến hạnh phúc<sup>44</sup>. Trong trường hợp

cộng đồng bản địa Canada, tự sự trở thành phương tiện giải thích dân, mở ra tiếng nói phản kháng và kiến tạo không gian công bằng hơn trong du lịch<sup>45</sup>.

Tuy vậy, nghiên cứu tự sự cũng có những giới hạn. Quá trình thu thập và phân tích dữ liệu thường rất tốn thời gian, đòi hỏi người nghiên cứu có kỹ năng lắng nghe sâu, diễn giải tinh tế và nắm bắt cấu trúc tự sự<sup>40,46</sup>. Ngoài ra, tính chủ quan trong cách kể và phân tích có thể dẫn đến các diễn giải khác biệt giữa nhà nghiên cứu và người kể chuyện. Khi du lịch không còn chỉ là sự di chuyển vật lý mà là sự lưu chuyển của cảm xúc, ký ức và bản sắc, thì chính câu chuyện, chứ không phải dữ liệu thống kê, trở thành chìa khóa giải mã nhu cầu và động lực du lịch. Kết hợp nghiên cứu tự sự với công nghệ số (như nhật ký số, vlog, podcast) có thể mở ra những phương thức thu thập và phân tích mới, góp phần hiện đại hóa nghiên cứu định tính trong du lịch học.

#### **Dân tộc học (ethnography)**

Dân tộc học là kỹ thuật bắt nguồn từ nhân học và xã hội học, nhưng được ứng dụng trong khoa học du lịch nhằm tìm hiểu trải nghiệm, hành vi và thế giới sống của con người trong các bối cảnh du lịch cụ thể<sup>47,48</sup>. Khác với các kỹ thuật chỉ thu thập lời kể hoặc câu trả lời có cấu trúc, dân tộc học đòi hỏi nhà nghiên cứu hòa mình vào môi trường nghiên cứu, đôi khi sống cùng, làm cùng, đi cùng hoặc du lịch cùng đối tượng, để tái hiện các hệ thống ý nghĩa, tương tác xã hội và cấu trúc văn hóa vốn vận hành tinh vi trong thực tiễn du lịch<sup>49</sup>.

Ưu điểm nổi bật của dân tộc học là khả năng cung cấp bức tranh toàn diện, chi tiết và dày dặn về thực hành du lịch<sup>50</sup>. Nhờ sự nhập vai sâu sắc, kỹ thuật này cho phép phát hiện những điều mà người trong cuộc không tự ý thức hoặc không thể diễn đạt bằng lời, như cảm giác thuộc về nơi chốn, các mâu thuẫn đạo đức, hay sự thương thuyết giữa giá trị hiện đại và truyền thống trong trải nghiệm du lịch. Ví dụ, trong nghiên cứu về cộng đồng bản địa, sự kết hợp dân tộc học và phương pháp Q hé lộ các logic tiêu dùng khác biệt và bản chất phản tư của chủ thể<sup>51</sup>. Trong nghiên cứu về cộng đồng punk ở Malaysia, dân tộc học làm sáng tỏ mối liên hệ giữa di động, cộng đồng và tiêu dùng du lịch thay thế<sup>52</sup>.

Tuy nhiên, dân tộc học cũng đối mặt với nhiều thách thức<sup>53,54</sup>. Quá trình thu thập dữ liệu thường kéo dài, đòi hỏi nhà nghiên cứu có thời gian sống thực sự trong cộng đồng nghiên cứu, từ đó đặt ra rào cản về nguồn lực và khả năng tiếp cận<sup>55</sup>. Mặt khác, việc nhà nghiên cứu trở thành một phần của thực tiễn đang quan sát đặt ra nguy cơ về tính chủ quan và sự can thiệp không mong muốn, đặc biệt trong các không gian du lịch đang thương mại hóa mạnh mẽ<sup>56</sup>. Ngoài ra, kỹ thuật

viết văn bản dân tộc học, vốn cần dung hòa giữa chi tiết mô tả, diễn giải lý thuyết và cấu trúc học thuật, không dễ nắm bắt đối với giới nghiên cứu. Tuy nhiên, triển vọng của kỹ thuật dân tộc học trong khoa học du lịch là rất lớn. Các nhà nghiên cứu Việt Nam, với ưu thế về văn hóa, ngôn ngữ và khả năng đi sâu, đi sát, có thể tận dụng dân tộc học như một cách thức khai mở chiều sâu văn hóa trong du lịch địa phương, đồng thời tạo ra những đóng góp học thuật đặc sắc.

#### **Hiện tượng học (phenomenology)**

Hiện tượng học là một kỹ thuật tập trung khám phá bản chất của trải nghiệm sống từ góc nhìn của chính người tham gia nghiên cứu<sup>57</sup>. Được khởi xướng từ triết học của Edmund Husserl và sau này được phát triển bởi các học giả như Heidegger, Merleau-Ponty và van Manen, kỹ thuật này đặt trọng tâm vào việc mô tả chân thực cách mà con người cảm nhận, ý nghĩa hóa và sống trong thế giới của họ<sup>58,59</sup>. Trong khoa học du lịch, hiện tượng học đặc biệt phù hợp để khai mở các khía cạnh sâu sắc và tinh tế của trải nghiệm du lịch, vốn thường mang tính cảm xúc, chủ quan và khó lượng hóa.

Ưu điểm lớn nhất của kỹ thuật hiện tượng học nằm ở khả năng tiếp cận chiều sâu tâm lý, xã hội của người tham gia<sup>59</sup>, đặc biệt là khi các nhà nghiên cứu muốn thấu hiểu những hiện tượng như cảm xúc choáng ngợp trước thiên nhiên, cảm giác được chữa lành trong hành trình hành hương, hay nỗi hoang mang hiện sinh khi du lịch đen. Nghiên cứu hiện tượng học không chỉ tái hiện sự kiện, mà còn đi sâu vào bản chất và ý nghĩa của chính trải nghiệm ấy. Ví dụ, trong nghiên cứu tại Hồng Kông, phương pháp hiện tượng học đã cho phép khái niệm hóa trải nghiệm thẩm mỹ biên giới, thách thức quan niệm truyền thống về cái đẹp và cái xấu<sup>60</sup>. Trong nghiên cứu về Bồ Đào Nha, hiện tượng học giúp giải thích cách ngôn ngữ quảng bá điểm đến kiến tạo hình ảnh du lịch thông qua mạng lưới ký hiệu và ý thức hệ<sup>61</sup>.

Tuy nhiên, kỹ thuật này cũng đối mặt với những thách thức lớn. Việc đòi hỏi nhà nghiên cứu phải có kỹ năng phân tích triết học, khả năng đồng cảm sâu sắc, cùng với thời gian thu thập và xử lý dữ liệu kéo dài, khiến hiện tượng học khó phổ biến trong môi trường học thuật chịu áp lực công bố nhanh chóng<sup>58</sup>. Ngoài ra, hiện tượng học đòi hỏi khả năng sử dụng ngôn ngữ mô tả tinh tế, thuyết phục, điều mà không phải nhà nghiên cứu nào cũng có thể đạt được<sup>62</sup>, nhất là khi dịch chuyển giữa ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh học thuật. Trong bối cảnh ngành du lịch ngày càng chuyển hướng từ đo lường hành vi sang khám phá chiều sâu trải nghiệm, kỹ thuật hiện tượng học có thể cung cấp những góc nhìn đột phá, nhân văn và phản tỉnh.

#### **Dân tộc học mạng (netnography)**

Dân tộc học mạng được phát triển từ kỹ thuật dân tộc học truyền thống, nhưng được chuyển hóa để thích ứng với các môi trường kỹ thuật số<sup>63</sup>. Thuật ngữ này được Robert Kozinets giới thiệu vào cuối những năm 1990, với mục tiêu phân tích các cộng đồng trực tuyến như một trường xã hội thực thụ. Trong bối cảnh khoa học du lịch hiện đại, nơi mà trải nghiệm, đánh giá, và tương tác của du khách ngày càng diễn ra trên không gian số, dân tộc học mạng trở thành một kỹ thuật đặc biệt hữu ích để khám phá nhận thức, hành vi và biểu tượng trong môi trường kỹ thuật số<sup>64</sup>.

Ưu điểm nổi bật của dân tộc học mạng nằm ở khả năng tiếp cận dữ liệu tự nhiên, tương tác, phản ứng đa dạng từ các nền tảng mạng xã hội, diễn đàn du lịch, vlog, blog cá nhân, hay các nhóm chia sẻ kinh nghiệm du lịch<sup>65</sup>. Dữ liệu thu thập được từ các tương tác trực tuyến thường mang tính chân thực, sống động, gần gũi, phản ánh cảm xúc chân thực và bối cảnh xã hội nơi các cá nhân giao tiếp<sup>65,66</sup>. Trong khoa học du lịch, dân tộc học mạng được ứng dụng để phân tích trải nghiệm du khách tại các điểm đến cụ thể<sup>67</sup>, các trải nghiệm có liên quan đến tính xác thực của văn hóa, di sản<sup>64,68</sup>, hoặc các trải nghiệm với tự nhiên<sup>69</sup>. Trong trường hợp du khách mặc Hán phục, dân tộc học mạng cho phép nhận diện cách biểu tượng văn hóa và cơ thể vật chất đan xen để kiến tạo không gian thứ ba và nuôi dưỡng hạnh phúc xác thực<sup>70</sup>. Trong nghiên cứu về nhiếp ảnh du lịch thiên nhiên trên Instagram, dân tộc học mạng giúp phát hiện vai trò kép của hình ảnh trực tuyến trong việc tạo và lan tỏa giá trị trải nghiệm<sup>71</sup>.

Tuy nhiên, dân tộc học mạng cũng đối mặt với nhiều thách thức. Thứ nhất, vấn đề đạo đức nghiên cứu trên môi trường số đặt ra câu hỏi về quyền riêng tư, sự đồng thuận và minh bạch với người tham gia, dù họ có thể không ý thức rằng mình đang là đối tượng bị nghiên cứu<sup>65</sup>. Thứ hai, việc chọn lựa cộng đồng, xác định ranh giới phân tích và xử lý lượng dữ liệu khổng lồ đòi hỏi nhà nghiên cứu phải có kỹ năng phân tích nội dung số cao, cũng như nhận thức sắc bén về mặt ngữ cảnh và văn hóa số<sup>68</sup>. Dù vậy, triển vọng phát triển của dân tộc học mạng trong khoa học du lịch là rất đáng chú ý. Khi thế giới du lịch ngày càng gắn với các nền tảng số, từ trí tuệ nhân tạo đến thực tế ảo và vũ trụ ảo, thì việc tiếp cận và hiểu các biểu hiện văn hóa trong không gian mạng sẽ trở thành một yêu cầu tất yếu.

#### **Dân tộc học tự sự (autoethnography)**

Dân tộc học tự sự là một kỹ thuật nghiên cứu độc đáo, kết hợp giữa tự truyện cá nhân và phân tích học thuật nhằm khám phá cách các trải nghiệm cá nhân phản ánh và được định hình bởi bối cảnh văn hóa, xã hội

rộng hơn<sup>72,73</sup>. Trong khoa học du lịch, dân tộc học tự sự đang nổi lên như một công cụ hiệu quả để nhận diện chiều sâu cảm xúc, niềm tin, xung đột nội tâm và sự tương tác của bản thân nhà nghiên cứu trong quá trình sống, làm việc, hoặc du lịch<sup>74,75</sup>.

Ưu điểm nổi bật của dân tộc học tự sự là khả năng đưa ra một cái nhìn nội tại đầy chân thực và giàu cảm xúc, vượt khỏi sự quan sát khách quan thường thấy trong các kỹ thuật dân tộc học truyền thống<sup>76</sup>. Khi nhà nghiên cứu trở thành người kể chuyện và nhân vật chính, các mối quan hệ, sự kiện và trải nghiệm được tái hiện bằng một lối viết giàu tính văn chương và nhân văn<sup>76</sup>. Điều này đặc biệt hữu ích trong bối cảnh du lịch chữa lành, du lịch tâm linh, hoặc các hành trình cá nhân đầy biến đổi, nơi sự chuyển hóa tâm thức, cảm xúc và bản thể của người tham gia trở thành trọng tâm nghiên cứu<sup>77,78</sup>. Ví dụ, trong nghiên cứu về nữ du khách du lịch một mình, phương pháp này giúp tái hiện những cảm xúc nhạy cảm và chỉ ra lỗ hổng trong năng lực ứng xử giới của ngành du lịch<sup>79</sup>. Trong nghiên cứu về nhân viên Disney, dân tộc học tự sự hé lộ cơ chế vòng lặp giữa lao động cảm xúc và hạnh phúc trong bối cảnh xuyên văn hóa<sup>80</sup>.

Tuy nhiên, dân tộc học tự sự cũng đối mặt với nhiều tranh luận và hạn chế. Một trong những thách thức lớn nhất là nguy cơ rơi vào chủ nghĩa vị kỷ, khi nhà nghiên cứu quá tập trung vào bản thân mà thiếu đi chiều sâu phân tích văn hóa-xã hội. Tính khái quát hóa thấp và sự phụ thuộc năng lực viết cá nhân khiến kỹ thuật này khó được chấp nhận trong các cộng đồng học thuật truyền thống, vốn ưa chuộng tính khách quan và khung lý thuyết chặt chẽ. Hơn nữa, nếu không kiểm soát tốt, sự pha trộn giữa chất liệu cá nhân và phân tích khoa học có thể dẫn đến đánh mất độ tin cậy hoặc làm lu mờ mục tiêu khoa học của công trình. Triển vọng của dân tộc học tự sự trong khoa học du lịch là rất hứa hẹn, đặc biệt trong bối cảnh các phong trào hậu thực chứng (post-positivist) và nghiên cứu giải phóng (emancipatory research) ngày càng lên ngôi<sup>76</sup>. Khi được thực hiện nghiêm túc, có cấu trúc và gắn kết với lý thuyết, dân tộc học tự sự có thể góp phần mở rộng biên giới tri thức của khoa học du lịch, làm giàu kho tư liệu bằng những tiếng nói từng bị che khuất.

#### **Một số kỹ thuật nghiên cứu định tính khác**

Một số kỹ thuật định tính khác đã được phát triển nhằm tiếp cận sự phức hợp, tính trải nghiệm và ngữ cảnh hóa trong nghiên cứu du lịch.

Nhật ký du lịch là một kỹ thuật nghiên cứu được sử dụng để thu thập dữ liệu từ góc nhìn chủ thể của người tham gia thông qua các ghi chép cá nhân về trải nghiệm, cảm xúc, suy nghĩ và tương tác trong suốt hành trình du lịch<sup>81</sup>. Công cụ này hiệu quả để nắm

bắt tính tạm thời, liên tục và đa tầng của trải nghiệm du lịch, đặc biệt hữu ích khi nhà nghiên cứu không thể hiện diện trực tiếp trong toàn bộ quá trình<sup>82</sup>. Trong khoa học du lịch, nhật ký du lịch được ứng dụng để nghiên cứu hành trình cảm xúc và chuyển hóa của du khách, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành ký ức du lịch, tiến trình chuyển hóa giá trị cá nhân qua các trải nghiệm văn hóa, hoặc sự thích nghi của du khách với môi trường địa phương<sup>83</sup>.

Phỏng vấn khi cùng di chuyển (walk-along interview) là một kỹ thuật đặc biệt trong nghiên cứu định tính, trong đó nhà nghiên cứu đồng hành cùng người tham gia trong hành trình thực địa<sup>84,85</sup>, ví dụ như chuyển đi bộ tham quan một điểm đến, trải nghiệm dịch vụ du lịch, hoặc khám phá không gian đô thị. Thay vì diễn ra trong không gian tĩnh như văn phòng hay phòng phỏng vấn, phỏng vấn khi cùng di chuyển diễn ra trong bối cảnh sống động, nơi đối tượng nghiên cứu đang tương tác trực tiếp với môi trường, con người, và các yếu tố vật chất, điều này tạo ra những tầng nghĩa sâu sắc và xác thực hơn trong dữ liệu thu thập được<sup>86,87</sup>. Trong khoa học du lịch, kỹ thuật này đặc biệt phù hợp để nghiên cứu trải nghiệm du khách tại điểm đến<sup>86</sup>.

Ghi chép hiện trường (fieldnotes) trong khảo sát thực địa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo tri thức từ trải nghiệm của chính nhà nghiên cứu, đặc biệt trong các tiếp cận dân tộc học hoặc hiện tượng học<sup>88</sup>. Một số kỹ thuật khác như phân tích sự kiện then chốt tập trung vào các khoảnh khắc đáng nhớ trong hành trình du lịch, giúp làm nổi bật các giá trị, cảm xúc hoặc thay đổi nhận thức quan trọng. Kỹ thuật theo sát người tham gia (shadowing) và các kỹ thuật di động giúp quan sát hành vi theo thời gian thực, phản ánh dòng chảy hành vi du lịch trong không gian vật lý và kỹ thuật số<sup>89,90</sup>.

Bên cạnh đó, phân tích video tự động mở ra tiềm năng khai thác dữ liệu hành vi quy mô lớn<sup>91</sup>; dân tộc học kép (duo-ethnography) kết hợp với hồi tưởng ký ức bằng hình ảnh (visual memorywork) giúp làm rõ chiều kích giới và trải nghiệm ngưỡng (liminal) trong di dân<sup>92</sup>; trong khi nghiên cứu du lịch ảo qua trò chơi điện tử chứng minh khả năng khái niệm hóa tính xác thực (authenticity) trong không gian số<sup>93</sup>. Điểm chung của các kỹ thuật tích hợp này là đều mở rộng biên giới phương pháp luận, gắn với sự đổi mới công nghệ, bối cảnh xã hội và thực tiễn mới trong du lịch. Những kỹ thuật này, khi được kết hợp linh hoạt và phân tư nghiệm túc, góp phần gia tăng chiều sâu phân tích và khả năng đóng góp lý thuyết cho khoa học du lịch.

### 3. Bản sắc học thuật của kỹ thuật nghiên cứu định tính trong du lịch học

Trong bối cảnh khoa học du lịch tại Việt Nam ngày càng hội nhập với học thuật quốc tế, các kỹ thuật định lượng như hồi quy đa biến, mô hình phương trình cấu trúc (structural equation modeling, SEM) hay các phân tích kinh tế lượng nâng cao đang trở thành chuẩn mực mặc định trong nhiều nghiên cứu. Tuy nhiên, nếu không được nhìn nhận một cách biện chứng, sự phổ biến này dễ dẫn tới khuynh hướng xem nhẹ hoặc hiểu sai về giá trị của kỹ thuật định tính<sup>94</sup>. Trái lại, kỹ thuật định tính, nếu được thiết kế cẩn trọng, vận dụng một cách sáng tạo và trình bày với sự gắn kết lý thuyết chặt chẽ, có thể mở ra cánh cửa nhận thức mới về bản chất của trải nghiệm du lịch, về ngữ nghĩa xã hội sâu xa đằng sau hành vi, cảm xúc và lựa chọn của con người trong các không gian du lịch<sup>15</sup>.

Một sai lầm thường thấy là việc vận dụng định tính theo hướng mô tả hiện trạng hoặc thuần liệt kê hiện tượng, thiếu sự phân tích lý thuyết và đối thoại học thuật sâu. Hệ quả là nhiều nghiên cứu định tính trở nên mờ nhạt, không có đóng góp rõ ràng cho lý thuyết, hoặc tách rời khỏi dòng chảy phát triển của khoa học du lịch toàn cầu. Vì vậy, điều cốt lõi khi làm định tính không nằm ở số lượng kỹ thuật được sử dụng, mà là ở khả năng đặt ra những câu hỏi nghiên cứu có chiều sâu, khả năng gợi mở đóng góp lý thuyết từ dữ liệu thực địa, cũng như khả năng kiến tạo những diễn giải mang tính khai sáng đối với vấn đề du lịch<sup>2,5,6</sup>.

Các nhà nghiên cứu tại Việt Nam do chịu ảnh hưởng của mô hình đào tạo thiên về kỹ thuật và xu hướng công bố định lượng nên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức phương pháp luận định tính. Điều này dẫn tới việc vận dụng các kỹ thuật định tính như bước khám phá trước khi đi vào mô hình định lượng hoặc diễn giải các kết quả định lượng. Thực chất, định tính không phải là bước đệm mà là một cách tiếp cận học thuật riêng biệt, có ngôn ngữ, chuẩn mực và tiêu chí khoa học riêng biệt<sup>2</sup>. Sức mạnh của nghiên cứu định tính không nằm ở độ chi tiết của dữ liệu, mà ở năng lực diễn giải để kiến tạo, thách thức hoặc tái định nghĩa khái niệm và lý thuyết có liên quan. Điều còn hạn chế trong nhiều nghiên cứu định tính ở Việt Nam không phải là dữ liệu, mà là chiều sâu trong khả năng đối thoại và mở rộng lý thuyết từ dữ liệu đó. Một điểm then chốt được rút ra là cần gắn kết giữa dữ liệu định tính và khung lý thuyết một cách linh hoạt, chặt chẽ và có tính phản tư để có phát hiện mới và đóng góp đáng kể cho các lý thuyết<sup>2,5</sup>. Chỉ khi đó, nghiên cứu định tính mới thực sự vượt khỏi phạm vi mô tả và góp phần phân biện lại lý thuyết hiện hành, mở đường cho sự tiến hóa học thuật.

### 4. Đề xuất khung tư duy định tính trong nghiên cứu du lịch

Dựa trên công trình của Maxwell về thiết kế nghiên cứu<sup>95</sup>, Miles, Huberman và Saldaña về phân tích dữ liệu định tính<sup>96</sup>, Braun và Clarke về phương pháp phân tích chủ đề<sup>97</sup>, Gioia, Corley và Hamilton về cấu trúc ba tầng trong quá trình hình thành lý thuyết<sup>98</sup>, cùng với tư duy quy nạp, diễn dịch qua lại do Timmermans và Tavory giới thiệu<sup>99</sup>, nghiên cứu này đề xuất khung tư duy định tính trong nghiên cứu du lịch (Tourism qualitative reasoning framework, TQRF). Khung gồm 06 pha với 15 bước cụ thể, được thiết kế nhằm định hướng toàn bộ tiến trình nghiên cứu định tính trong lĩnh vực du lịch (xem Bảng 1).

#### Pha 1: Xác định vấn đề và tính mới lý thuyết

Khởi đầu của một nghiên cứu định tính là xác định vấn đề cụ thể có ý nghĩa thực tiễn và học thuật. Trên cơ sở rà soát tài liệu, nhà nghiên cứu cần chỉ ra những gì đã được nghiên cứu, khoảng trống còn bỏ ngỏ và từ đó nêu rõ tính mới. Điểm mới có thể đến từ cơ chế tác động chưa từng được xem xét, từ bối cảnh độc đáo, từ sự kết hợp phương pháp khác biệt, hoặc từ việc làm rõ tiếng nói của những nhóm thường bị bỏ quên. Kết quả của pha này là tập hợp câu hỏi nghiên cứu mang tính tại sao hoặc như thế nào, có định hướng đóng góp lý thuyết rõ ràng và có khả năng mở rộng tri thức hiện có.

#### Pha 2: Nền tảng và câu hỏi nghiên cứu

Một nghiên cứu định tính cần xác định rõ lập trường nhận thức ngay từ đầu. Điều này bao gồm việc lựa chọn quan điểm tiếp cận phù hợp với mục tiêu: nếu muốn khám phá bản chất trải nghiệm cá nhân thì dùng hiện tượng học; nếu muốn phân tích sự chi phối và bất bình đẳng thì tiếp cận phê phán; còn nếu nhấn mạnh sự đa dạng ý nghĩa thì tiếp cận kiến tạo sẽ thích hợp hơn. Trên cơ sở lập trường đó, nhà nghiên cứu chọn một hoặc một số khung lý thuyết định hướng để soi chiếu dữ liệu, đóng vai trò như bộ lọc giúp nhìn rõ hiện tượng hơn mà không ràng buộc cứng nhắc. Các câu hỏi nghiên cứu cũng cần được xây dựng gắn trực tiếp với khung này, thường tập trung vào ba hướng: tìm hiểu ý nghĩa mà con người gán cho trải nghiệm, nhận diện quá trình hình thành và biến đổi của hiện tượng, và phân tích các cấu trúc quyền lực hoặc diễn ngôn đang chi phối thực tiễn.

#### Pha 3: Thiết kế nghiên cứu

Trong nghiên cứu định tính, thiết kế cần thể hiện rõ cách chọn mẫu và trường hợp, sao cho vừa phù hợp mục tiêu vừa bảo đảm khả năng đại diện và chiều sâu dữ liệu. Một công cụ hữu ích là lập bảng đối chiếu giữa câu hỏi nghiên cứu, kỹ thuật thu thập và lý do lựa chọn. Chẳng hạn, nếu muốn tìm hiểu trải nghiệm cá

**Bảng 1: Khung tư duy định tính trong nghiên cứu du lịch (Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả)**

| Pha                                         | Bước                                      | Nội dung chính                                                                                                                 | Yêu cầu thực hiện                                                        |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Pha 1 Xác định vấn đề và tính mới lý thuyết | 1. Xác định vấn đề nghiên cứu             | Chọn một vấn đề cụ thể trong du lịch có ý nghĩa thực tiễn và học thuật.                                                        | Nêu rõ câu hỏi “tại sao/như thế nào”, kèm bối cảnh (ai, ở đâu, khi nào). |
|                                             | 2. Tổng hợp lý thuyết và tìm khoảng trống | Tổng hợp các nghiên cứu trước, chỉ ra những gì đã được nghiên cứu và những gì còn thiếu.                                       | Xác định khoảng trống và các lý thuyết có liên quan.                     |
|                                             | 3. Xác lập tính mới                       | Khẳng định tính mới nghiên cứu mang lại: cơ chế, bối cảnh, phương pháp hoặc đối tượng ít được chú ý.                           | Đưa ra 2-3 điểm mới có thể kiểm chứng bằng dữ liệu.                      |
| Pha 2 Nền tảng và câu hỏi nghiên cứu        | 4. Cách tiếp cận                          | Trình bày quan điểm tiếp cận: hiện tượng học (hiểu trải nghiệm), phê phán (phân tích quyền lực), hay kiến tạo (đa nghĩa), v.v. | Giải thích vì sao chọn cách tiếp cận này, gắn với mục tiêu nghiên cứu.   |
|                                             | 5. Khung lý thuyết                        | Chọn một hoặc một số khung lý thuyết để soi chiếu dữ liệu (khung đơn, tích hợp hoặc đề xuất mới)                               | Sử dụng như bộ lọc, không ràng buộc cố định.                             |
|                                             | 6. Câu hỏi nghiên cứu                     | Đặt các câu hỏi dựa trên khung lý thuyết, thường tập trung vào ý nghĩa, quá trình và quyền lực.                                | Câu hỏi phải rõ ràng, trả lời được bằng dữ liệu định tính.               |
| Pha 3 Thiết kế nghiên cứu                   | 7. Mẫu và chọn mẫu                        | Giải thích chọn ai, nhóm nào, địa điểm nào, bối cảnh nào. Chỉ rõ khả năng đại diện và tin cậy.                                 | Nêu tiêu chí chọn và lý do.                                              |
|                                             | 8. Kỹ thuật thu thập dữ liệu              | Quyết định dùng kỹ thuật phỏng vấn, quan sát, nhật ký, thảo luận nhóm hay phân tích diễn ngôn, v.v.                            | Gắn kỹ thuật với từng câu hỏi nghiên cứu.                                |
|                                             | 9. Đạo đức nghiên cứu và phản tư          | Xin đồng thuận, giữ bí mật thông tin, ghi chép cảm nhận của nhà nghiên cứu để tránh thiên lệch.                                | Có phê duyệt đạo đức nghiên cứu và phản tư rõ ràng.                      |
| Pha 4 Thu thập dữ liệu                      | 10. Thu thập dữ liệu                      | Chuẩn bị kịch bản phỏng vấn/quan sát, thử nghiệm trước, tạo không gian chia sẻ cởi mở.                                         | Đảm bảo dữ liệu phong phú, đa nguồn và tiếng nói đa chiều.               |
|                                             | 11. Quản lý và xử lý dữ liệu              | Phiên âm, mã hóa, đặt mã số, lưu trữ có hệ thống để dễ kiểm chứng.                                                             | Minh bạch và có thể kiểm tra.                                            |
|                                             | 12. Đảm bảo độ tin cậy                    | Kiểm tra lại với người tham gia, trao đổi với đồng nghiệp, xem xét trường hợp khác biệt.                                       | Gắn dữ liệu với từng câu hỏi nghiên cứu.                                 |
| Pha 5 Phân tích và lý thuyết hóa            | 13. Phân tích song song                   | Vừa trích xuất chủ đề từ dữ liệu, vừa xây dựng cấu trúc nhiều tầng từ trích dẫn → chủ đề → khái niệm.                          | Giữ lại ngôn ngữ người tham gia ở mức chân thực nhất.                    |
|                                             | 14. Đối chiếu với khung lý thuyết         | So sánh dữ liệu với lý thuyết hiện có để xác nhận, điều chỉnh hoặc mở rộng.                                                    | Nêu rõ cơ chế, điều kiện và mệnh đề lý thuyết.                           |
| Pha 6 Diễn giải và đóng góp                 | 15. Diễn giải và thảo luận                | Chuyển từ mô tả sang giải thích; thảo luận đóng góp ở ba mức: xác nhận, mở rộng, kiến tạo lý thuyết.                           | Liên hệ phát hiện với lý thuyết, phương pháp và thực tiễn.               |

nhân sâu sắc, có thể dùng phỏng vấn kết hợp với nhật ký; nếu muốn nắm bắt quá trình tập thể, có thể tổ chức thảo luận nhóm; còn khi quan tâm đến quyền lực và diễn ngôn, phân tích văn bản chính sách và diễn ngôn sẽ phù hợp hơn. Bên cạnh đó, ngay từ đầu nghiên cứu cần có phê duyệt đạo đức và phân tư: đảm bảo sự đồng thuận của người tham gia, giữ bí mật thông tin và duy trì nhật ký phản tư để kiểm soát ảnh hưởng của chính nhà nghiên cứu lên quá trình nghiên cứu.

#### **Pha 4: Thu thập dữ liệu**

Đây là giai đoạn thu thập và xử lý dữ liệu cho nghiên cứu, có thể bao gồm nhiều hình thức như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát tham dự, nhật ký, tài liệu thứ cấp, v.v. Trước khi triển khai chính thức, nghiên cứu thường cần thử nghiệm với quy mô nhỏ để điều chỉnh cách đặt câu hỏi và cách tiếp cận. Trong quá trình thu thập, nhà nghiên cứu phải chú ý tạo không gian chia sẻ cởi mở, khuyến khích người tham gia nói hết ý, đồng thời quan sát cả những chi tiết phi ngôn ngữ và bối cảnh xung quanh. Dữ liệu cần được ghi lại và lưu trữ cẩn thận, từ phiên âm, mã số hóa cho đến quản lý hồ sơ, nhằm đảm bảo tính minh bạch và có thể kiểm chứng. Bên cạnh đó, việc kiểm tra lại với người tham gia, thảo luận kết quả sơ bộ với đồng nghiệp hay xem xét các trường hợp khác biệt là những cách hữu ích để nâng cao độ tin cậy.

#### **Pha 5: Phân tích và lý thuyết hóa**

Sau khi thu thập, dữ liệu định tính được phân tích theo hai hướng song song. Thứ nhất, thông tin được đọc kỹ, mã hóa và nhóm lại thành những chủ đề chính để phản ánh ý nghĩa cốt lõi của trải nghiệm. Thứ hai, các chủ đề này tiếp tục được sắp xếp theo cấu trúc nhiều tầng, từ những trích dẫn ban đầu đến khái niệm tổng hợp, giúp hình thành bức tranh khái quát. Trong quá trình đó, nhà nghiên cứu không dừng lại ở việc mô tả, mà còn liên tục đối chiếu với lý thuyết hiện có, nhằm kiểm tra, điều chỉnh hoặc mở rộng cách hiểu. Nhờ vậy, nghiên cứu có thể đề xuất được các cơ chế giải thích, xác định điều kiện tác động và đưa ra những mệnh đề lý thuyết mới có giá trị cho khoa học du lịch.

#### **Pha 6: Diễn giải kết quả và đóng góp**

Khi phân tích đã hoàn tất, dữ liệu cần được diễn giải trong mối liên hệ với khung lý thuyết ban đầu. Việc diễn giải này hướng đến ba mức đóng góp: thứ nhất là xác nhận lại khái niệm đã có, thứ hai là mở rộng chúng bằng cách bổ sung bối cảnh hoặc chiều cạnh mới, và thứ ba là kiến tạo khái niệm hoặc mô hình hoàn toàn mới. Phần thảo luận cũng cần thể hiện sự phản tư, vừa đặt phát hiện vào các tranh luận quốc tế, vừa gắn với bối cảnh Việt Nam để tạo ra giá trị bản địa hóa. Những đóng góp này không chỉ dừng ở lý thuyết

mà còn có ý nghĩa về phương pháp và thực tiễn, góp phần khẳng định bản sắc riêng của du lịch học.

Song hành cùng 06 pha là ba vòng lặp phản tư giúp nghiên cứu định tính giữ được sự minh bạch và chiều sâu. Vòng lặp thứ nhất nhấn mạnh đến vị thế và cảm xúc của nhà nghiên cứu, cho thấy chúng có thể ảnh hưởng đến cách tiếp cận và cách hiểu dữ liệu. Vòng lặp thứ hai tập trung vào độ tin cậy của nghiên cứu, dựa trên bốn tiêu chí kinh điển của Lincoln và Guba (độ tin cậy, khả năng chuyển giao, tính phụ thuộc và khả năng xác nhận) cùng tám tiêu chí của Tracy về nghiên cứu định tính chất lượng (chủ đề có giá trị, độ nghiêm ngặt phong phú, tính chân thành, độ tin cậy học thuật, khả năng cộng hưởng, đóng góp có ý nghĩa, đạo đức nghiên cứu và tính thống nhất có ý nghĩa). Vòng lặp thứ ba là vòng lặp tư duy qua lại, trong đó các phát hiện bất ngờ từ dữ liệu được xem xét kỹ và đối chiếu lại với lý thuyết để điều chỉnh hoặc mở rộng. Nhờ ba vòng lặp này, khung tư duy đóng vai trò hướng dẫn kỹ thuật và giúp nghiên cứu định tính trong du lịch chuyển từ việc mô tả hiện tượng sang giải thích cơ chế và kiến tạo lý thuyết mới.

### **5. Khuyến nghị ứng dụng các kỹ thuật nghiên cứu định tính nhằm xác lập bản sắc du lịch học**

Thứ nhất, cần xác lập mối quan hệ rõ ràng giữa câu hỏi nghiên cứu, nhận thức luận và phương pháp luận. Chẳng hạn, nếu mục tiêu nghiên cứu là khám phá trải nghiệm sống động và mang tính cá nhân của du khách, các cách tiếp cận như hiện tượng học hay nghiên cứu tự sự sẽ phù hợp hơn so với khảo sát thống kê. Việc làm rõ định hướng nhận thức giúp định tính thoát khỏi cái bóng của định lượng, trở thành một lựa chọn có cơ sở lý luận chặt chẽ chứ không chỉ là giải pháp thay thế.

Thứ hai, thay vì chỉ sử dụng một kỹ thuật duy nhất, nhà nghiên cứu nên mạnh dạn thiết kế chiến lược kết hợp các phương pháp để bổ sung chiều sâu phân tích. Ví dụ, khi khảo sát trải nghiệm chữa lành trong du lịch nông thôn, có thể kết hợp phỏng vấn sâu với nhật ký du lịch và gợi nhớ bằng hình ảnh nhằm tạo ra sự đối thoại giữa lời kể, hình ảnh và hành động. Cách kết hợp này không chỉ làm phong phú nguồn dữ liệu mà còn thúc đẩy tính sáng tạo trong cấu trúc bài viết và phân tích lý thuyết.

Thứ ba, cần vượt qua lối mòn của mô tả hiện trạng. Thay vào đó, mỗi công trình định tính cần được thiết kế để diễn giải và phản biện lý thuyết, tức không chỉ minh họa mà còn thách thức, mở rộng hoặc tái cấu trúc khái niệm, lý thuyết đã có. Điều này đòi hỏi nhà nghiên cứu chủ động tiếp cận lý thuyết liên ngành,

xuyên ngành, hiểu ngữ cảnh nơi các khái niệm đó ra đời và so sánh với bằng chứng thực tiễn từ bối cảnh nghiên cứu, và từ đó kiến tạo đóng góp bản địa mang tính học thuật. Đây là điểm mấu chốt để định tính không bị xem là thứ yếu, cảm tính hay kể chuyện hay mô tả thuần túy.

Thứ tư, trong bối cảnh các tạp chí du lịch quốc tế ngày càng đề cao tính phân biệt và tính bản địa hóa trong nghiên cứu, giới nghiên cứu Việt Nam cần tận dụng lợi thế nội sinh học thuật để khai thác hiện tượng bản địa bằng các kỹ thuật định tính phù hợp. Điều này giúp tránh sự sao chép mô hình phương Tây một cách máy móc, đồng thời mở ra không gian đối thoại lý thuyết từ thế giới phương Nam (Global South).

Cuối cùng, việc trình bày kết quả định tính cần được đầu tư nghiêm túc, đặc biệt trong cách tổ chức trích dẫn từ dữ liệu (câu nói, đoạn nhật ký, hình ảnh minh họa, v.v.) và gắn kết chúng với cấu trúc lý thuyết. Nên tránh các dạng trình bày rời rạc, liệt kê trích dẫn như ý kiến minh họa, mà thay vào đó, xây dựng các mô thức ý nghĩa (motif), chủ đề, hay khung phân tích có khả năng tổng quát hóa ở mức lý thuyết. Đây là điểm then chốt để nghiên cứu định tính không chỉ kể lại một hiện tượng mà còn góp phần cấu trúc lại cách ngành du lịch hiểu và can thiệp vào các hiện tượng đó.

Tóm lại, nghiên cứu định tính trong du lịch, nếu được thiết kế kỹ lưỡng, gắn kết lý thuyết sâu sắc và trình bày một cách phân tư, hoàn toàn có thể tạo ra các đóng góp học thuật tương đương, thậm chí vượt trội so với nghiên cứu định lượng. Điều cốt lõi không nằm ở phương pháp nào mạnh hơn, mà ở chỗ nhà nghiên cứu đã dùng phương pháp đó để trả lời câu hỏi khoa học ra sao, với mức độ sáng tạo và phê phán đến mức nào.

## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh du lịch đương đại đang trải qua những biến chuyển sâu sắc, nghiên cứu định tính không thể chỉ giữ vai trò minh họa hay bổ sung, mà phải trở thành phương tiện thiết yếu để giải mã hành vi, cảm xúc và sự biến đổi của trải nghiệm du lịch. Bài viết này đã hệ thống hóa các kỹ thuật nghiên cứu định tính có tiềm năng ứng dụng trong khoa học du lịch, phân tích khả năng triển khai trên các chủ đề đương đại, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa phương pháp, lý thuyết và bối cảnh. Một trong những thông điệp then chốt được khẳng định là: nghiên cứu định tính không đồng nghĩa với tùy tiện, cảm tính hay thiếu tính khoa học, mà ngược lại, đòi hỏi sự thiết kế nghiêm ngặt, năng lực quan sát tinh tế và tư duy gắn kết, phân biệt và kiến tạo lý thuyết nhạy bén.

Điều làm nên sức mạnh của định tính chính là khả năng biến những dữ liệu rời rạc và cụ thể thành những

diễn giải có sức khái quát lý thuyết và chiều sâu triết học. Để làm được điều đó, nhà nghiên cứu cần vừa rèn luyện khả năng vận dụng các kỹ thuật định tính vừa nuôi dưỡng sự sáng tạo, phân tư và bản lĩnh dám bước ra khỏi lối mòn. Với các học giả Việt Nam, điều này đòi hỏi sự can đảm trong việc theo đuổi các chủ đề gai góc, chạm tới chiều sâu tri thức, thay vì thuận theo sự an toàn của những lối tiếp cận định lượng hóa hiện nay.

Hướng tới tương lai, nghiên cứu định tính không chỉ là con đường để khoa học du lịch Việt Nam bắt kịp với chuẩn mực quốc tế, mà còn là cơ hội để khẳng định bản sắc và kiến tạo tri thức bản địa. Khi định tính được nhìn nhận như một phương thức tư duy sâu sắc, du lịch học Việt Nam hoàn toàn có thể chuyển từ vị thế theo sau sang trở thành nguồn cảm hứng học thuật, đóng góp những tiếng nói độc đáo và phân biệt cho diễn đàn lý thuyết toàn cầu. Ở cách tiếp cận này, định tính không chỉ là phương pháp, mà là hành trình khai minh, nơi tri thức được giải phóng, và khoa học du lịch tìm thấy ý nghĩa nhân văn sâu nhất của mình.

## TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

## TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả đã thực hiện tổng hợp, phân tích nội dung và phân tư các kỹ thuật nghiên cứu định tính có tiềm năng được ứng dụng trong khoa học du lịch, dựa trên cơ sở học thuật quốc tế và thực tiễn nghiên cứu tại Việt Nam.

Tác giả đã sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh (ChatGPT 5.0) để dịch thuật và tổng hợp các nghiên cứu trong phần Phụ lục của bản thảo này. Tác giả đã đọc, chỉnh sửa và đảm bảo nội dung đúng với các nghiên cứu gốc. Bài viết đóng góp vào việc hệ thống hóa các kỹ thuật nghiên cứu định tính, minh họa định hướng ứng dụng cụ thể, đồng thời đề xuất cách tiếp cận nhằm khai thác chiều sâu trải nghiệm du lịch và mở rộng không gian tri thức phương pháp luận cho các nhà nghiên cứu trong nghiên cứu du lịch học.

PHỤ LỤC

**Bảng 2:** Phụ lục 1: Tổng hợp các công bố theo các kỹ thuật nghiên cứu định tính (Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả)

| Kỹ thuật                                   | Tác giả                           | Công bố                                                                                           | Năm  | Bối cảnh                                                                                                                                                                                                         | Điểm mới về kỹ thuật và kết quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phỏng vấn sâu (In-depth interview)         | Nguyen, H. T. V., & Nguyen, N. P. | The gendered landscape of tourism: social stereotypes and job difficulties for female tour guides | 2025 | Nghiên cứu tại Việt Nam, tập trung vào hướng dẫn viên nữ, nhóm chịu nhiều định kiến giới và áp lực nghề nghiệp trong bối cảnh văn hóa truyền thống.                                                              | Phỏng vấn sâu 20 hướng dẫn viên nữ và 11 bên liên quan, chọn mẫu có chủ đích. Kết hợp phân tích theo chủ đề và bối cảnh để vừa nhận diện chủ đề vừa lý giải theo bối cảnh xã hội. Kết quả cho thấy định kiến giới, hạn chế thăng tiến, quấy rối, áp lực gia đình nhưng cũng ghi nhận sự kiên định nghề nghiệp. Nghiên cứu đóng góp khung phân tích toàn diện về định kiến giới trong du lịch và đề xuất giải pháp hỗ trợ, bình đẳng giới, cổ vũ nghề nghiệp và nâng cao nhận thức du khách. |
|                                            | Nigatu, T. F., & Gebeyaw, Z.      | Opportunities and challenges for domestic tourism development in South                            | 2024 | Nghiên cứu về du lịch nội địa tại Ethiopia, tập trung vào các điểm đến thuộc South Wollo Zone. Dù đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, du lịch nội địa ít được quan tâm hơn so với du lịch quốc tế. | Thách thức gồm: thiếu dữ liệu thống kê, nhận thức hạn chế, ít quan tâm từ công ty lữ hành, marketing yếu, thị trường bị chi phối bởi bên ngoài, thiếu sản phẩm cạnh tranh. Nghiên cứu đề xuất chiến lược phát triển du lịch nội địa gắn với cộng đồng và cải thiện xúc tiến.                                                                                                                                                                                                                |
| Quan sát tham dự (Participant observation) | Kahana, N.                        | Providing a platform for self-transformation: Existential authentication and the inward gaze      | 2024 | Nghiên cứu tiến hành tại một dự án du lịch tình nguyện, tập trung vào cách các hoạt động tổ chức tại điểm đến góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho sự tự chuyển hóa bản thân của người tham dự.              | Sử dụng quan sát tham dự để nhận diện hai thực hành then chốt: (1) kiến tạo không gian tình nguyện như một trải nghiệm xác thực, và (2) khuyến khích tình nguyện viên hướng nội để kết nối với bản thân.<br><br>Từ đó, nghiên cứu đề xuất khái niệm cái nhìn hướng nội (inward gaze) như một hình thức xác thực hiện sinh. Kết quả nhấn mạnh vai trò của nhà tổ chức trong việc duy trì nền tảng cho sự chuyển hóa cá nhân của du khách.                                                    |

Continued on next page

Table 2 continued

|                          |                                   |                                                                                                   |      |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                          | Çakmak, E., Lie, R., & Selwyn, T. | Like a fish in water: Habitus adaptation mechanisms of informal tourism entrepreneurs in Thailand | 2021 | Nghiên cứu thực hiện tại Thái Lan, đối tượng là doanh nhân du lịch phi chính thức, nhóm thường xuyên đối diện với biến động thị trường và thiếu hỗ trợ chính sách.                                                                 | Dựa trên điển dã dân tộc học, kết hợp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu bán cấu trúc, nghiên cứu xác định 04 cơ chế thích ứng thói quen: (1) Hiểu và đánh giá cao lĩnh vực này và các điều kiện của nó, (2) Thách thức các hệ thống niềm tin cốt lõi, (3) Áp dụng ý nghĩa thực tế vào các khả năng khách quan và (4) Thách thức các khuynh hướng không phản ánh. Cách phân loại này giúp lý giải tiến trình thay đổi của doanh nhân phi chính thức và cung cấp cơ sở cho hoạch định chính sách hỗ trợ.             |
| Thảo luận nhóm tập trung | Szmigin, I., & Bengry-Howell, A.  | Socio-spatial authenticity at co-created music festivals                                          | 2017 | Nghiên cứu thực hiện tại hai lễ hội âm nhạc - một lễ hội rock lớn và một lễ hội văn hóa, âm nhạc (boutique) nhỏ hơn ở Anh, nhằm tìm hiểu cách thiết kế, tổ chức và quản lý lễ hội được đồng kiến tạo với sự tham gia của khán giả. | Kết hợp quan sát tham dự, phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung, nghiên cứu chỉ ra rằng, sự đồng kiến tạo giữa ban tổ chức và người tham gia là yếu tố quan trọng hình thành tính xác thực xã hội - không gian (socio-spatial authenticity). Phương pháp đa nguồn dữ liệu cho phép phân tích sâu cách khán giả hòa mình vào lễ hội và đồng thời tạo ra trải nghiệm xác thực.                                                                                                                                       |
| (Focus group discussion) | Feng, M., & Xu, Y. H.             | Conceptual audience immersion in tourism performing arts: Definition and characteristics          | 2025 | Nghiên cứu tập trung vào trải nghiệm nhập vai (immersion) trong nghệ thuật trình diễn du lịch, khai thác bối cảnh khán giả tham gia các sự kiện nghệ thuật và giải trí.                                                            | Áp dụng phương pháp hai giai đoạn, kết hợp phân tích bình luận trực tuyến và thảo luận nhóm tập trung, nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận quy nạp - diễn dịch để xác định sáu đặc điểm cốt lõi của trải nghiệm nhập vai. Từ đó, xây dựng định nghĩa mới và mô hình trải nghiệm ba cấp độ dựa trên khung xử lý thông tin. Điểm mới là phương pháp kép (dual-component method) vừa khai thác dữ liệu tự phát trực tuyến, vừa đi sâu qua thảo luận nhóm, giúp khái niệm hóa trải nghiệm nhập vai một cách bối cảnh hóa. |

Continued on next page

Table 2 continued

|                                                   |                                                   |                                                                                               |      |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kỹ thuật gợi mở bằng hình ảnh (Photo elicitation) | Wijesinghe, A. S. N. R., Mura, P., & Tavakoli, R. | post-colonial feminist analysis of official tourism representations of Sri Lanka on Instagram | 2020 | Nghiên cứu tập trung vào hình ảnh được đăng tải trên Instagram chính thức của Bộ Du lịch Sri Lanka, nhằm phân tích cách du lịch được đại diện trong diễn ngôn hậu thuộc địa và nữ quyền.                | Sử dụng phân tích tường thuật dựa trên hình ảnh chính thống, nghiên cứu chỉ ra rằng các bức ảnh tái hiện những cặp nhị nguyên giới và quyền lực (nam/nữ; kẻ thống trị/kẻ bị trị; Phật giáo Sinhalese/nhóm thiểu số). Từ đó, nghiên cứu làm rõ sự giao thoa giữa giới và các bất bình đẳng khác (chủng tộc, tôn giáo, giai cấp), cho thấy hình ảnh du lịch có thể vừa quảng bá quốc gia vừa tái sản xuất các bản sắc giới hậu thuộc địa.                                                        |
|                                                   | Matteucci X.                                      | Photo elicitation: Exploring tourist experiences with researcher-found images                 | 2013 | Nghiên cứu khai thác trải nghiệm của du khách với di sản phi vật thể, tập trung vào khía cạnh thân thể và cảm tính trong quá trình du lịch.                                                             | Áp dụng kỹ thuật gợi mở với hình ảnh do nhà nghiên cứu tìm được, kết hợp phỏng vấn sâu và quan sát tham dự, nghiên cứu tái hiện trải nghiệm nhập thể (embodied experience) của du khách. Phương pháp này tạo nên cách tiếp cận đa giác quan, sáng tạo và giàu cảm hứng. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng thảo luận hạn chế: Hình ảnh có thể gây thiên lệch tích cực và thiếu sức mạnh tự sự so với tư liệu do chính người tham gia tạo ra.                                                           |
| Phân tích                                         | Joyce, E.                                         | Rewilding tourism in the news: Power/knowledge and the Irish and UK news media discourses     | 2024 | Nghiên cứu tiến hành tại Cộng hòa Ireland và Vương quốc Anh, tập trung vào cách báo chí trực tuyến trong giai đoạn 2017-2022 kiến tạo và phổ biến tri thức về du lịch tái hoang dã (rewilding tourism). | Áp dụng phân tích diễn ngôn Foucauldian đa cấp độ (vi mô - trung mô - vĩ mô) với lăng kính nữ quyền sinh thái xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu đã nhận diện chiến lược diễn ngôn, chuẩn mực ngầm định, các khoảng trống và sự khuất lấp trong cách báo chí khung hóa tái hoang dã. Kết quả cho thấy du lịch đang tận dụng sự quan tâm công chúng với tái hoang dã, song lại che lấp nguy cơ chiếm đoạt xanh (green grabbing) vì lợi ích thị trường tín chỉ carbon và du lịch sinh thái ngẫu nhiên. |

Continued on next page

Table 2 continued

|                                                            |                                                              |                                                                                                                                                        |      |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| diễn<br>ngôn<br>(Dis-<br>course<br>analy-<br>sis)          | Bianchi,<br>R. V.,<br>Mc-<br>Cabe,<br>S., &<br>Jordan,<br>F. | Contested<br>dis-<br>courses<br>in social<br>tourism:<br>A rela-<br>tional<br>political<br>economy<br>perspec-<br>tive                                 | 2023 | Nghiên cứu tập trung vào chương trình du lịch xã hội IMSERSO tại Tây Ban Nha, một chính sách quốc gia nhằm thúc đẩy du lịch trái vụ tại các điểm đến ven biển đại chúng.                                                                                  | Sử dụng cách tiếp cận phân tích diễn ngôn trong khung quan hệ kinh tế chính trị quan hệ, nghiên cứu theo dõi tiến trình của IMSERSO từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu đến đại dịch COVID-19. Kết quả cho thấy các diễn ngôn tranh chấp về quản trị du lịch xã hội, phản ánh tác động lên các bên liên quan và làm nổi bật tính chính trị của các mục tiêu kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đưa ra gợi ý cho việc thiết kế và điều chỉnh chính sách du lịch xã hội ở bối cảnh quốc tế. |
| Nghiên<br>cứu<br>tự sự<br>(Nar-<br>rative<br>in-<br>quiry) | Buzinde,<br>C. N.                                            | Theoretical<br>linkages<br>between<br>well-<br>being and<br>tourism:<br>The case<br>of self-<br>determinati<br>theory<br>and spir-<br>itual<br>tourism | 2020 | Nghiên cứu dựa trên lý thuyết tự quyết (self-determination theory - SDT) để phân tích mối liên hệ giữa du lịch tâm linh và hạnh phúc. Dữ liệu tự sự được xây dựng từ trải nghiệm cá nhân của tác giả trong một khóa yoga/thiền tại Rishikesh, Ấn Độ.      | Áp dụng dân tộc học tự sự như một phương pháp dữ liệu dày, nghiên cứu tái hiện quá trình trải nghiệm - phản tư của du khách tâm linh. Điểm mới nằm ở việc gắn kết tự sự cá nhân với khung lý thuyết tự quyết, qua đó khái quát hóa các đóng góp của du lịch tâm linh đối với hạnh phúc và sự phát triển lý thuyết.                                                                                                                                                                    |
|                                                            | Grimwood<br>B. S. R.,<br>& Stin-<br>son, M.<br>J.            | A decolo-<br>nizing set-<br>tler story                                                                                                                 | 2019 | Nghiên cứu tập trung vào cộng đồng Łutsel K'e Dene First Nation tại Canada, gần với cảnh quan sông Thelon, một điểm đến hấp dẫn với khách du lịch hoang dã. Mục tiêu là tái hiện một câu chuyện giải thực dân (decolonizing settler story) trong du lịch. | Dựa trên nghiên cứu tự sự, câu chuyện du lịch được kiến tạo từ trải nghiệm và ký ức của cộng đồng bản địa. Nghiên cứu mở ra hướng tiếp cận giải thực dân trong du lịch, nhấn mạnh trách nhiệm của người định cư trong việc chống lại di sản thực dân, học hỏi từ tri thức bản địa và từ bỏ đặc quyền nhận thức. Kết quả cho thấy sức mạnh của tự sự như một công cụ tạo không gian giải thực dân trong nghiên cứu và thực hành du lịch.                                               |
| Dân<br>tộc<br>học<br>(Ethnog-<br>raphy)                    | Wang,<br>S., &<br>Sun, J.                                    | Tourism<br>and in-<br>digenous<br>leisure<br>consump-<br>tion: A Q<br>approach                                                                         | 2025 | Nghiên cứu về du lịch và tiêu dùng giải trí của cộng đồng bản địa, chuyển hướng từ trọng tâm sản xuất sang tiêu dùng, trong bối cảnh bùng nổ lối sống hiện đại tại các cộng đồng bản địa tham gia du lịch.                                                | Sử dụng kết hợp dân tộc học và phương pháp Q (Q method), nghiên cứu phát hiện bốn kiểu tiêu dùng giải trí của người bản địa, trong đó tương tác xã hội là trung tâm. Đồng thời, nhu cầu tiêu dùng của họ được thúc đẩy bởi tinh thần có đi có lại và sự phản tư về văn hóa tiêu dùng hiện đại. Kết quả đóng góp cách nhìn mới về hiệu ứng trình diễn du lịch (tourism demonstration effect) từ góc độ chủ thể bản địa.                                                                |

Continued on next page

Table 2 continued

|                                |                                          |                                                                                                   |      |                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                | Mura, P., & Yuen, K. L.                  | Turning rebel- lion into money - An ethnog- raphy on Malaysian punk mobili- ties and tourism      | 2019 | Nghiên cứu tiến hành tại Malaysia, tập trung vào cộng đồng punk, một tiểu văn hóa âm nhạc ít được nghiên cứu trong văn hóa và du lịch châu Á.                                               | Dựa trên điển dã dân tộc học, nghiên cứu cho thấy: (1) tính di động thể chất giúp củng cố cảm giác cộng đồng (communitas) giữa các cộng đồng punk, (2) cộng đồng punk thường tham gia tiêu dùng du lịch nhưng từ chối gắn nhãn du khách, (3) hoạt động của punk có thể trở thành sản phẩm du lịch nếu cân bằng được giữa giá trị văn hóa và khai thác thương mại. Kết quả mở rộng biên giới nghiên cứu về tiểu văn hóa âm nhạc và du lịch thay thế.                                                                                                                                                    |
| Hiện tượng học (Phenomenology) | Nasiri, H., Kirillova, K., & Wassler, P. | Beyond beauty: Ugly and borderline tourism aesthetic experiences                                  | 2024 | Nghiên cứu tại Hồng Kông, tập trung vào trải nghiệm thẩm mỹ cận biên của du khách lần đầu đến đây, nhằm mở rộng hiểu biết về tính thẩm mỹ trong du lịch vượt ra ngoài cái đẹp truyền thống. | Áp dụng hiện tượng học mô tả của Husserl, với dữ liệu từ 28 du khách, nghiên cứu xác định hai dạng trải nghiệm thẩm mỹ cận biên: “beaugly”, đẹp - trải nghiệm đẹp mà lại xấu và “ugbeaful”, xấu mà đẹp - trải nghiệm xấu mà lại đẹp) bên cạnh trải nghiệm về cái xấu. Các trải nghiệm này thể hiện sự tương tác phức tạp giữa niềm vui và sự không hài lòng, thách thức các quan điểm truyền thống về thẩm mỹ, cho thấy cái xấu không luôn mang nghĩa tiêu cực. Kết quả đóng góp khái niệm mới, làm sâu sắc lý thuyết về trải nghiệm thẩm mỹ trong du lịch và gợi ý cho thiết kế trải nghiệm điểm đến. |
|                                | Guedes, A. S., & Jiménez, M. I. M.       | Conceptualizing Portugal as a tourist destination through the textual content of travel brochures | 2016 | Nghiên cứu về Bồ Đào Nha như một điểm đến du lịch, thông qua phân tích diễn ngôn của các tập sách quảng bá (travel brochures) nhằm hiểu cách điểm đến được kiến tạo qua ngôn ngữ du lịch.   | Sử dụng hiện tượng học như cơ sở phương pháp luận, nghiên cứu phân tích nội dung văn bản để chỉ ra sự hình thành một ngôn ngữ mới của du lịch, được truyền tải qua mạng lưới khái niệm và cấu trúc ký hiệu. Kết quả cho thấy hình ảnh Bồ Đào Nha được tái tạo qua các cấu trúc ý thức hệ, nơi các nhà điều hành tour đóng vai trò như tác nhân kiến tạo không gian thành trung tâm ý nghĩa.                                                                                                                                                                                                            |

Continued on next page

Table 2 continued

|                                     |                                      |                                                                                                                          |      |                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dân tộc học mạng (Netnography)      | Zhang, H., Huang, K., & Zhu, J. (J.) | Authentic well-being in the third space among Hanfu-wearing Chinese tourists: A PERMA analysis                           | 2023 | Nghiên cứu tập trung vào du khách Trung Quốc mặc Hán phục (Hanfu) và cách họ kiến tạo trải nghiệm hạnh phúc xác thực trong du lịch.                                                                        | Kết hợp dân tộc học mạng (netnography) và thảo luận nhóm, đồng thời vận dụng lý thuyết không gian thứ ba (third space theory) và khung PERMA từ tâm lý học tích cực. Phân tích chủ đề cho thấy sự hình thành ba lớp không gian: (1) điểm đến và thực thể Hán phục, (2) tầm nhìn cổ phong và biểu tượng Hán phục, (3) không gian thứ ba khi hai yếu tố này tương tác. Cả năm chiều cạnh của PERMA đều xuất hiện, vừa ở cấp độ cá nhân, vừa ở tập thể. Kết quả nhấn mạnh tiềm năng lớn từ sự giao thoa giữa trang phục, nhận diện cơ thể và không gian du lịch. |
|                                     | Conti, E., & Lexhagen, M.            | Instagramm nature-based tourism experiences: a netnographic study of online photography and value creation               | 2020 | Nghiên cứu khám phá vai trò của nhiếp ảnh trực tuyến trên Instagram trong kiến tạo giá trị trải nghiệm du lịch thiên nhiên, với trọng tâm là nội dung do người dùng tạo ra (user-generated content - UGC). | Sử dụng dân tộc học mạng diễn giải và tham dự (interpretive and participatory netnography), nghiên cứu chỉ ra rằng nhiếp ảnh trực tuyến vừa là thực hành kiến tạo giá trị vừa là không gian kiến tạo giá trị. Kết quả cho thấy ảnh chụp trên Instagram có khả năng sản sinh giá trị đa chiều thông qua sự kết hợp chiến lược giữa nội dung văn bản và hình ảnh. Đồng thời, nghiên cứu đưa ra khái niệm mới về dòng thời gian định giá trải nghiệm vượt ra khỏi mô hình tuyến tính trước/trong/sau chuyển đi, thay vào đó phản ánh tính chủ quan và linh hoạt. |
| Dân tộc học tự sự (Autoethnography) | Rostami, A., Trupp, A., & Stephen-L. | Female Solo Travel Experiences: An Autoethnography on Social and Emotional Challenges With Tourism Industry Stakeholders | 2024 | Nghiên cứu thực hiện tại Penang (Malaysia), tập trung vào trải nghiệm du lịch một mình của nữ giới và những thách thức xã hội - cảm xúc trong tương tác với các bên liên quan trong ngành du lịch.         | Áp dụng kết hợp dân tộc học tự sự gợi mở (evocative) và dân tộc học tự sự phân tích (analytical autoethnography), tác giả tái hiện trải nghiệm cá nhân qua ba chủ đề cảm xúc: ghê tởm và cô đơn, không mong muốn và khiếm khuyết, căng thẳng và sợ hãi. Nghiên cứu chỉ ra sự thiếu hụt năng lực xã hội, cảm xúc và định kiến giới của các bên liên quan, từ đó đề xuất đào tạo và nâng cao nhận thức nhằm giảm định kiến giới và hỗ trợ tốt hơn cho nữ du khách.                                                                                              |

Continued on next page

Table 2 continued

|                      |                                           |                                                                                                                     |      |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Một số kỹ thuật khác | He, Z., & Hao, X.                         | Emotional labor and employee well-being in cross-cultural contexts: A Disney frontline staff's autoethnography      | 2022 | Nghiên cứu dựa trên trải nghiệm cá nhân của tác giả khi làm việc tại Walt Disney World (Orlando, Hoa Kỳ), tập trung vào lao động cảm xúc và hạnh phúc nhân viên trong bối cảnh xuyên văn hóa. | Sử dụng tự dân tộc học với dữ liệu đọc sáu tháng, nghiên cứu phân tích ba trường đoạn trải nghiệm trong bối cảnh làm việc xuyên văn hóa. Kết quả cho thấy cơ chế tác động giữa lao động cảm xúc và hạnh phúc nhân viên là một vòng lặp khép kín, nơi hai yếu tố này liên tục tác động qua lại và được trung gian bởi tương tác văn hóa. Nghiên cứu đóng góp vào việc lý giải sâu hơn mối quan hệ động giữa cảm xúc, văn hóa và phúc lợi lao động trong ngành dịch vụ.                                                                                                |
|                      | Zhu, J., & Cheng, M.                      | Automatic video analytics in                                                                                        | 2024 | Nghiên cứu tổng quan về phân tích video tự động (automatic video analytics) như một                                                                                                           | Cung cấp tổng quan phê phán về tiến trình và thách thức lý thuyết - phương pháp khi sử dụng phân tích video tự động. Nghiên cứu xây dựng khung định hướng (guiding framework) cho các nghiên cứu tương lai, nhấn mạnh tiềm năng của video trong việc tạo tri thức mới về hành vi và trải nghiệm du lịch.                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                      | Manfred A., Ye, I. Q., & Nelson-Miles, K. | Transformir tourism's field(work) of view                                                                           | 2023 | Nghiên cứu tập trung vào trải nghiệm của các nữ học giả thực hiện diễn dã đơn lẻ tại các vùng du lịch xa xôi ở Úc, một chủ đề ít được khai thác trong nghiên cứu phương pháp luận.            | Nghiên cứu sử dụng phương pháp dân tộc học kép kết hợp với hồi tưởng ký ức bằng hình ảnh, nhằm phân tích cách không gian ngưỡng và yếu tố giới ảnh hưởng đến trải nghiệm diễn dã. Kết quả đóng góp cho lý thuyết về giới, tính phản tư, trải nghiệm ngưỡng và trải nghiệm biến đổi, đồng thời đưa ra gợi ý thực tiễn cho các học giả và tổ chức khi thực hiện nghiên cứu tại những vùng xa xôi.                                                                                                                                                                      |
|                      | Zhu, X., Wang, W., & Wang, C.             | Authenticity of virtual tourism in open-world video games: A case study on the Legend of Zelda - Breath of the Wild | 2025 | Nghiên cứu về tính xác thực trong du lịch ảo thông qua trò chơi điện tử thể giới mở The Legend of Zelda: Breath of the Wild.                                                                  | Dựa trên lý thuyết tính xác thực theo kiểu loại (typological authenticity) và phân tích định tính theo lý thuyết nền tảng, nghiên cứu xác định bốn loại xác thực: hậu hiện đại, hậu-hậu hiện đại, kiến tạo và hiện sinh. Đồng thời, đề xuất khái niệm xác thực tham chiếu (referenced authenticity) nhằm dung hòa giữa xác thực khách quan và hậu hiện đại. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của dòng chảy (flow) và tính nhập vai trong kiến tạo trải nghiệm xác thực, đồng thời gợi ý sự hợp tác giữa ngành du lịch và trò chơi điện tử trong phát triển sản phẩm mới. |

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phillimore J, Goodson L. Qualitative Research in Tourism: Ontologies, Epistemologies and Method. Routledge; 2004.
2. Mura P, Khoo-Lattimore C. Locating Asian Research and Selves in Qualitative Tourism Research. Singapore: Springer; 2018. Available from: [https://www.doi.org/10.1007/978-981-10-7491-2\\_1](https://www.doi.org/10.1007/978-981-10-7491-2_1).
3. Schuckert M, Peters M, Pilz G. The co-creation of host-guest relationships via couchsurfing: a qualitative study. Tourism Recreation Research. 2018;43(2):220–34. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/02508281.2017.1384127>.
4. Rajaratnam SD. Qualitative Research in Tourism: reflections of an Asian Researcher; 2018. Available from: [https://www.doi.org/10.1007/978-981-10-7491-2\\_13](https://www.doi.org/10.1007/978-981-10-7491-2_13).
5. Cohen E. Traditions in the qualitative sociology of tourism. Annals of Tourism Research. 1988;15(1):29–46. Available from: [https://www.doi.org/10.1016/0160-7383\(88\)90069-2](https://www.doi.org/10.1016/0160-7383(88)90069-2).
6. Goodson L, Phillimore J. Qualitative research in tourism: Ontologies, epistemologies and methodologies. Routledge Taylor & Francis Group; 2004. Available from: <https://www.doi.org/10.4324/9780203642986>.
7. Creswell J, Poth C. Qualitative inquiry and research design: Choosing among five approaches. SAGE Publications; 2016.
8. Denzin NK, Lincoln YS. Denzin NK, Lincoln YS, editors. Introduction: The Discipline and Practice of Qualitative Research. Sage Publications Ltd.; 2005.
9. Denzin NK, Lincoln YS. The SAGE Handbook of Qualitative Research. Thousand Oaks: Sage; 2017.
10. Franklin A, Crang M. The trouble with tourism and travel theory? Tourist Studies. 2001;1(1):5–22. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/146879760100100101>.
11. Urry J. The Tourist Gaze : Leisure and Travel in Contemporary Societies by John Urry. vol. Volume 24. SAGE Publications Ltd; 1990.
12. Dann G, Nash D, Pearce P. Methodology in tourism research. Annals of Tourism Research. 1988;15(1):1–28. Available from: [https://www.doi.org/10.1016/0160-7383\(88\)90068-0](https://www.doi.org/10.1016/0160-7383(88)90068-0).
13. Busetto L, Wick W, Gumbinger C. How to use and assess qualitative research methods. Neurological Research and Practice. 2020;2(1):14. Available from: <https://www.doi.org/10.1186/s42466-020-00059-z>.
14. Öhman A. Qualitative methodology for rehabilitation research. Journal of Rehabilitation Medicine. 2005;37(5):273–80. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/16501970510040056>.
15. Lee YS. Qualitative and mixed methods. Academic Press; 2024. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/B978-0-323-85663-8.00010-6>.
16. Whitley R. Social capital and public health: Qualitative and ethnographic approaches. Springer New York; 2008. Available from: [https://www.doi.org/10.1007/978-0-387-71311-3\\_6](https://www.doi.org/10.1007/978-0-387-71311-3_6).
17. Nguyen HT, Nguyen VTP. The gendered landscape of tourism: social stereotypes and job difficulties for female tour guides. Journal of Hospitality and Tourism Insights. 2025; Available from: <https://doi.org/10.1108/JHTI-01-2025-0093>.
18. Nigatu TF, Ambaw ZG, Argaw MN, Trupp A, Teshome E. Opportunities and challenges for domestic tourism development in South Wollo, Ethiopia. Journal of Qualitative Research in Tourism. 2024;5(2):150–69. Available from: <https://www.doi.org/10.4337/JQRT.2024.02.04>.
19. Moreno ES. Introduction course to clinical research. Chapter 10: qualitative research in research in health. Rationale and scientific rigor. Semergen. 2008;34:75–9. Available from: [https://www.doi.org/10.1016/S1138-3593\(08\)71853-7](https://www.doi.org/10.1016/S1138-3593(08)71853-7).
20. Szmigin I, Bengry-Howell A, Morey Y, Griffin C, Riley S. Socio-spatial authenticity at co-created music festivals. Annals of Tourism Research. 2017;63:1–11. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.ANNALS.2016.12.007>.
21. Feng M, Xu YH. Conceptualising audience immersion in tourism performing arts: definition and characteristics. Annals of Tourism Research. 2025;112. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.ANNALS.2025.103956>.
22. Cederholm EA. The use of photo-elicitation in tourism research – framing the backpacker experience. Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism. 2004;4(3):225–41. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/15022250410003870>.
23. Harper D. Talking about pictures: A case for photo elicitation. Visual Studies. 2002;17(1):13–26. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/14725860220137345>.
24. Matteucci X. Photo elicitation: exploring tourist experiences with researcher-found images. Tourism Management. 2013;35:190–7. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tourman.2012.07.002>.
25. Dresler E. Children picturing suffering in dark tourism: the use of photo-elicitation method. Current Issues in Tourism. 2024;27(2):184–99. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/13683500.2023.2223910>.
26. Garrod B. Understanding the relationship between tourism destination imagery and tourist photography. Journal of Travel Research. 2009;47(3):346–58. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/0047287508322785>.
27. Winter T, Adu-Ampong EA. Residents with camera: exploring tourism impacts through participant-generated images. Annals of Tourism Research. 2021;87. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.annals.2020.103112>.
28. MacKay KJ, Couldwell CM. Using visitor-employed photography to investigate destination image. Journal of Travel Research. 2004;42(4):390–6. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/0047287504263035>.
29. Wijesinghe SN, Mura P, Tavakoli R. A postcolonial feminist analysis of official tourism representations of Sri Lanka on Instagram. Tourism Management Perspectives. 2020;36. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.TMP.2020.100756>.
30. Tang X, Gong Y, Chen C, Wang S, Chen P. Understanding Why Tourists Who Share Travel Photos Online Give More Positive Tourism Product Evaluation: Evidence From Chinese Tourists. Frontiers in Psychology. 2022;13. Available from: <https://www.doi.org/10.3389/fpsyg.2022.838176>.
31. Van Dijk TA. Principles of Critical Discourse Analysis. Discourse & Society. 1993;4(2):249–83. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/0957926593004002006>.
32. Hannam K, Knox D. Discourse analysis in tourism research a critical perspective. Tourism Recreation Research. 2005;30(2):23–30. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/02508281.2005.11081470>.
33. Crouch GI, Perdue RR. The Disciplinary Foundations of Tourism Research: 1980-2010. Journal of Travel Research. 2015;54(5):563–77. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/0047287514559036>.
34. Jaworski A, Pritchard A. Discourse, communication and tourism. Channel View Publications; 2005. Available from: <https://www.doi.org/10.21832/9781845410216>.
35. Joyce E. Rewilding tourism in the news: Power/knowledge and the Irish and UK news media discourses. Annals of Tourism Research. 2024;104. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.ANNALS.2023.103718>.
36. Bianchi RV, McCabe S, Cisneros-Martínez JD, Domínguez-Gómez JA. Contested discourses in social tourism: A relational political economy perspective. Annals of Tourism Research. 2023;102. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.ANNALS.2023.103640>.
37. Feighery W. Reading tourism texts in context: A critical discourse analysis. Tourism Analysis. 2006;11(1):1–11. Available from: <https://www.doi.org/10.3727/10835420677770655>.
38. Qian J, Wei J, Law R. Review of critical discourse analysis in tourism studies. International Journal of Tourism Research. 2018;20(4):526–37. Available from: <https://www.doi.org/10.1002/jtr.2202>.
39. Servidio R, Ruffolo I. Exploring the relationship between emotions and memorable tourism experiences through narratives. Tourism Management Perspectives. 2016;20:151–60. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tmp.2016>.

- 07.010.
40. Clandinin DJ, Caine V. Narrative inquiry. Taylor and Francis; 2013. Available from: <https://www.doi.org/10.4324/9780203813324-13>.
41. Khater M, Ibrahim O, Al-Salim F, Faik M. Weaving tales: the impact of storytelling in tourism guides on cultural immersion. *Tourism Recreation Research*. 2025; Available from: <https://www.doi.org/10.1080/02508281.2024.2448887>.
42. Mura P, Sharif SP. Narrative analysis in tourism: a critical review. *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*. 2017;17(2):194–207. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/15022250.2016.1227276>.
43. Polkinghorne DE. Narrative configuration in qualitative analysis. *International Journal of Qualitative Studies in Education* : QSE. 1995;8(1):5–23. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/0951839950080103>.
44. Buzinde CN. Theoretical linkages between well-being and tourism: the case of self-determination theory and spiritual tourism. *Annals of Tourism Research*. 2020;83. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.annals.2020.102920>.
45. Grimwood BS, Stinson MJ, King LJ. A decolonizing settler story. *Annals of Tourism Research*. 2019;79. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.annals.2019.102763>.
46. Clandinin DJ, Huber J. Narrative Inquiry. Elsevier; 2009. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/B978-0-08-044894-7.01387-7>.
47. Wu C, Liu A. The ethnographic knowledge production in tourism research: A perspective of mobility. *Progress in Geography*. 2024;43(10):2079–89. Available from: <https://www.doi.org/10.18306/dlkxjz.2024.10.013>.
48. Rantala O. An ethnographic approach to naturebased tourism. *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*. 2011;11(2):150–65. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/15022250.2011.576829>.
49. Andrews H, Jimura T, Dixon L. *Tourism ethnographies: Ethics, methods, application and reflexivity*. Taylor and Francis; 2018. Available from: <https://www.doi.org/10.4324/9781315162164>.
50. Gewinner IV. *Netnography and its potential for studies in tourism and hospitality*. Emerald Group Publishing Ltd.; 2023. Available from: <https://www.doi.org/10.1108/978-1-80455-063-220231011>.
51. Wang S, Sun J. Tourism and indigenous leisure consumption: A Q approach. *Annals of Tourism Research*. 2025;111. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.annals.2025.103901>.
52. Mura P, Yuen KL. Turning rebellion into money” – An ethnography on Malaysian punk mobilities and tourism. *Tourism Management*. 2019;71:226–33. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tourman.2018.10.026>.
53. Bosio B, Rainer K, Stickdorn M. Customer experience research with mobile ethnography: A case study of the alpine destination serfaus-fiss-ladis. *Review of Marketing Research*. 2017;14:111–37. Available from: <https://www.doi.org/10.1108/S1548-643520170000014009>.
54. Witte A, Wilson J, Burrai E, Dashper K. Navigating tourism ethnographies-fieldwork embroiled in time, movement and emotion. *Current Issues in Tourism*. 2023;26(9):1394–408. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/13683500.2022.2057841>.
55. Wijngaarden V. Q method and ethnography in tourism research: enhancing insights, comparability and reflexivity. *Current Issues in Tourism*. 2017;20(8):869–82. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/13683500.2016.1170771>.
56. Vorobjovas-Pinta O, Robards B. The shared oasis: an insider ethnographic account of a gay resort. *Tourist Studies*. 2017;17(4):369–87. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/1468797616687561>.
57. Stilwell P, Harman K. Phenomenological Research Needs to be Renewed: Time to Integrate Enactivism as a Flexible Resource. *International Journal of Qualitative Methods*. 2021;20. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/1609406921995299>.
58. Tavakol M, Sandars J. Twelve tips for using phenomenology as a qualitative research approach in health professions education. *Medical Teacher*. 2025;47(9):1441–6. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/0142159X.2025.2478871>.
59. Anosike P, Ehrich LC, Ahmed P. Phenomenology as a method for exploring management practice. *International Journal of Management Practice*. 2012;5(3):205–24. Available from: <https://www.doi.org/10.1504/IJMP.2012.048073>.
60. Nasiri H, Kirillova K, Wassler P. Beyond beauty: ugly and borderline tourism aesthetic experiences. *Annals of Tourism Research*. 2024;105. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.annals.2023.103703>.
61. Guedes AS, Jiménez MI. Conceptualizing Portugal as a tourist destination through the textual content of travel brochures. *Tourism Management Perspectives*. 2016;20:181–94. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tmp.2016.08.002>.
62. Pernecky T, Jamal T. (Hermeneutic) Phenomenology in tourism studies. *Annals of Tourism Research*. 2010;37(4):1055–75. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.annals.2010.04.002>.
63. Li M, Wang D, Xu W, Mao Z. (Eddie). Motivation for family vacations with young children: anecdotes from the Internet. *Journal of Travel & Tourism Marketing*. 2017;34:1047–57. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/10548408.2016.1276007>.
64. Pellegrini MM, Marzi G, Zollo L, Ratten V. Understanding the role of heritage tourist experience: A netnographic research in Italy. Taylor and Francis; 2019. Available from: <https://www.doi.org/10.4324/9780429022814-4>.
65. Kaur I, Gaur D, Kumar A, Alatawi FM. Netnography: A review of its application in social media and digital government research. *International Journal of Electronic Government Research*. 2021;17(4):63–83. Available from: <https://www.doi.org/10.4018/IJEGR.2021100104>.
66. Jeffrey HL, Ashraf H, Paris CM. Hanging out on Snapchat: disrupting passive covert netnography in tourism research. *Tourism Geographies*. 2020;23(1-2):144–61. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/14616688.2019.1666159>.
67. Mishra S, Chowdhary N. Authenticity and Commercialisation: A Netnographic Study of Tourist Experiences in Mawlynnong, India: *Academica Turistica - Tourism and Innovation Journal*; 2025.
68. Bansal R, Martinho C, Pruthi N, Aggarwal D. From virtual observations to business insights: A bibliometric review of netnography in business research. *Heliyon*. 2023;10(1). Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e2853>.
69. Conti E, Lexhagen M. Instagramming nature-based tourism experiences: a netnographic study of online photography and value creation. *Tourism Management Perspectives*. 2020;34. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tmp.2020.100650>.
70. Zhang H, Huang K, Feng WY, Zhu J. (Jason). Authentic well-being in the third space among Hanfu-wearing Chinese tourists: A PERMA analysis. *Tourism Management Perspectives*. 2023;47. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tmp.2023.101106>.
71. Conti E, Lexhagen M. Instagramming nature-based tourism experiences: a netnographic study of online photography and value creation. *Tourism Management Perspectives*. 2020;34. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/j.tmp.2020.100650>.
72. Ellis C, Adams TE, Bochner AP. Autoethnography: an overview. *Historical Social Research*. 2011;36:273–90.
73. Wall S. An Autoethnography on Learning About Autoethnography. *International Journal of Qualitative Methods*. 2006;5(2):146–60. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/160940690600500205>.
74. Noy C. The poetics of tourist experience: an autoethnography of a family trip to Eilat. *Journal of Tourism and Cultural Change*. 2008;5(3):141–57. Available from: <https://www.doi.org/10.2167/jtcc085.0>.

75. Coombes P. The study of consumption dynamics and sociodemographics in tourism and hospitality firms: a case for auto-netnography. *Consumer Behavior in Tourism and Hospitality*. 2025;20(2):229–35. Available from: <https://www.doi.org/10.1108/CBTH-09-2024-0294>.
76. Liu W. The philosophy of autoethnography: the autoethnographic methodology through a Chinese philosophical lens. *Quality & Quantity*. 2025;59(5):4243–57. Available from: <https://www.doi.org/10.1007/s11135-025-02189-5>.
77. Buckley R, Cooper MA. Analytical autoethnography in tourism research: when, why, how, and how reliable? *Tourism Recreation Research*. 2024;49(6):1238–46. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/02508281.2022.2155784>.
78. Tripathi A, Polus R, Zhang Y, Nautiyal R, Shaheer I. 'Remember that time?': introducing retrospective collaborative autoethnography. *Tourism Recreation Research*. 2024;49(5):1154–9. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/02508281.2022.2109864>.
79. Rostami A, Trupp A, Stephenson ML. Female Solo Travel Experiences: An Autoethnography on Social and Emotional Challenges With Tourism Industry Stakeholders. *Advances in Southeast Asian Studies*. 2024; Available from: <https://www.doi.org/10.14764/10.ASEAS-0112>.
80. He Z, Hao X. Emotional labor and employee well-being in cross-cultural contexts: A Disney frontline staff's autoethnography. *Tourism Management*. 2022;91. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.TOURMAN.2022.104518>.
81. Banyai M, Glover TD. Evaluating research methods on travel blogs. *Journal of Travel Research*. 2012;51(3):267–77. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/0047287511410323>.
82. Gao J, Kerstetter DL, Mowen AJ, Hickerson B. Changes in tourists' perception of well-being based on their use of emotion regulation strategies during vacation. *Journal of Travel & Tourism Marketing*. 2018;35(5):567–82. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/10548408.2017.1374908>.
83. Zillinger M. Germans' tourist behaviour in Sweden. *Tourism (Zagreb)*. 2008;56:143–58.
84. Ratcliffe T. Walking Methodologies in the Uplands of the North York Moors National Park. *Sociological Research Online*. 2024; Available from: <https://www.doi.org/10.1177/13607804241275350>.
85. Harvey K. GO-ALONG INTERVIEWS. Taylor and Francis; 2024. Available from: <https://www.doi.org/10.4324/9781003430339-13>.
86. Burns R, Gallant KA, Fenton L, White C, Hamilton-Hinch B. The go-along interview: a valuable tool for leisure research. *Leisure Sciences*. 2020;42(1):51–68. Available from: <https://www.doi.org/10.1080/01490400.2019.1578708>.
87. Bartlett R, Koncul A, Lid IM, George EO, Haugen I. Using Walking / Go Along Interviews With People in Vulnerable Situations: A Synthesized Review of the Research Literature. *International Journal of Qualitative Methods*. 2023;22. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/16094069231164606>.
88. Matthews AL. Write" of passage: Reflecting on the fieldwork process and its contribution to critically orientated tourism research. *Journal of Hospitality and Tourism Management*. 2012;19(1):52–9. Available from: <https://www.doi.org/10.1017/jht.2012.4>.
89. Bartkowiak-theron I, Sappey JR. The methodological identity of shadowing in social science research. *Qualitative Research Journal*. 2012;12(1):7–16. Available from: <https://www.doi.org/10.1108/14439881211222697>.
90. Apostolidis C, Haeussler S. Sea, sand and shadow economy - consumer acceptance of shadow hospitality in Greece. *Hospitality & Society*. 2018;8(3):205–27. Available from: [https://www.doi.org/10.1386/hosp.8.3.205\\_1](https://www.doi.org/10.1386/hosp.8.3.205_1).
91. Zhu J, Cheng M. Automatic video analytics in tourism: A methodological review. *Annals of Tourism Research*. 2024;108. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.ANNALS.2024.103800>.
92. Manfreda A, Ye IQ, Nelson-Miles K. Transforming tourism's "field(work) of view". *Annals of Tourism Research*. 2023;103. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.ANNALS.2023.103665>.
93. Zhu X, Wang W, Wang C. Authenticity of virtual tourism in open-world video games: A case study on the Legend of Zelda - Breath of the Wild. *Tourism Management*. 2025;109. Available from: <https://www.doi.org/10.1016/J.TOURMAN.2025.105136>.
94. Pitney WA, Parker J, Singe SM, Potteiger K. *Qualitative Research in the Health Professions*. New York: Routledge; 2024. Available from: <https://doi.org/10.4324/9781003526100>.
95. Maxwell JA. Causal Explanation, Qualitative Research, and Scientific Inquiry in Education. *Educational Researcher*. 2004;33(2):3–11. Available from: <https://www.doi.org/10.3102/0013189X033002003>.
96. Miles MB, Huberman AM, Saldaña J. *Qualitative data analysis: A methods sourcebook*. Sage Publications; 2019.
97. Braun V, Clarke V. Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*. 2006;3(2):77–101. Available from: <https://www.doi.org/10.1191/1478088706QP0630A>.
98. Gioia DA, Corley KG, Hamilton AL. Seeking Qualitative Rigor in Inductive Research. *Organizational Research Methods*. 2013;16(1):15–31. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/1094428112452151>.
99. Timmermans S, Tavory I. Theory Construction in Qualitative Research. *Sociological Theory*. 2012;30(3):167–86. Available from: <https://www.doi.org/10.1177/0735275112457914>.

# Qualitative Research Techniques in Tourism Studies: An Overview, Directions for Application, and Scholarly Identity

Tran Tuyen\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

In contemporary tourism studies, where interdisciplinarity, transdisciplinarity, and human-centered approaches are increasingly emphasized, qualitative research plays a pivotal role in interpreting complex phenomena, uncovering experiential depth, and fostering local knowledge. Nevertheless, within the Vietnamese context, the employment of qualitative methods appears restricted, sporadic, and superficial, which impedes the distinct delineation of tourism studies' scholarly identity. Based on the literature review and content analysis, this paper systematically introduces the key qualitative techniques with strong potential for tourism research, including in-depth interviews, focus groups, ethnography, phenomenology, netnography, autoethnography, narrative inquiry, discourse analysis, and photo elicitation. Each technique is examined in terms of its core characteristics, strengths and limitations, practical applications, and relevant research themes. The tourism qualitative reasoning framework (TQRF) was proposed to help the qualitative research process not only to describe phenomena but also to construct new knowledge, contributing to the expansion or reconfiguration of existing theory. Building on this synthesis, the paper advances the five recommendations: (1) aligning research questions with epistemological assumptions, (2) combining multiple techniques to deepen analysis, (3) moving beyond descriptive accounts to engage with and extend theory, (4) leveraging local contexts to contribute to global dialogues, and (5) creatively presenting qualitative data to highlight interpretive richness. The article ultimately argues for repositioning qualitative research not merely as a supplementary tool but as a humanistic, creative, and theoretically generative mode of scientific inquiry. In doing so, it seeks to contribute to shaping the scholarly identity of tourism studies in Vietnam.

**Key words:** qualitative research, tourism studies, research methods, Vietnam

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

## Correspondence

**Tran Tuyen**, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: tuyentran@hcmussh.edu.vn

## History

- Received: 05-08-2025
- Revised: 04-02-2026
- Accepted: 25-05-2026
- Published Online: 28-09-2026

**DOI :** <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1222>



Check for updates

## Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

**Cite this article :** Tuyen T. **Qualitative Research Techniques in Tourism Studies: An Overview, Directions for Application, and Scholarly Identity.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(3):4095-4116.